

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		0,9	1,9	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT	Bình		1	1,9	3,2	6,1	0012345678910	0123456789
3	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	Cảnh		0,9	1,8	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
4	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT					✓	✓	0012345678910	0123456789
5	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Quang		0,9	1,9	3,7	6,5	0012345678910	0123456789
6	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Đạt		0,9	1,9	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
7	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL	Đạt		0,8	1,9	1,4	4,1	0012345678910	0123456789
8	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT	Hậu		0,8	1,9	3	5,7	0012345678910	0123456789
9	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT	Hiền		0,9	1,9	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
10	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT	Huy		1	1,9	2,1	5,0	0012345678910	0123456789
11	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT	Huy		1	1,8	1,6	4,4	0012345678910	0123456789
12	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT					✓	✓	0012345678910	0123456789
13	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT	Khang		0,9	1,9	0,8	3,6	0012345678910	0123456789
14	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT	Khang		0,9	1,8	0,6	3,3	0012345678910	0123456789
15	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT	Khánh		1	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
16	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT	Khánh		0,9	1,9	1,2	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03485

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT	<i>Trần Anh Khoa</i>		0,9	1,9	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
18	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT	<i>Đặng Quang Lâm</i>		1	1,8	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
19	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT	<i>Nguyễn Bảo Lâm</i>		0,9	1,8	0,7	3,4	0012345678910	0123456789
20	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT	<i>Phạm Đức Lộc</i>		1	1,8	1	3,8	0012345678910	0123456789
21	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT	<i>Trần Đức Mạnh</i>		0,9	1,9	0,7	3,5	0012345678910	0123456789
22	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT	<i>Nguyễn Xuân Minh</i>		0,8	1,8	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
23	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL	<i>Nguyễn Hoàng Ngoan</i>		1	1,9	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
24	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL					✓	✓	0012345678910	0123456789
25	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC	<i>Đinh Quang Nguyên</i>		0,4	0,9	0	1,3	0012345678910	0123456789
26	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT					✓	✓	0012345678910	0123456789
27	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT	<i>Dương Hoài Nhân</i>		0,9	1,8	0,2	2,9	0012345678910	0123456789
28	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT	<i>Đinh Minh Nhật</i>		0,9	1,8	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
29	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT	<i>Trương Minh Nhật</i>		1	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
30	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT	<i>Dương Hoài Nhị</i>		0,9	1,8	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
31	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT	<i>Lục Lưu Phước</i>		0,9	1,9	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
32	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT	<i>Trần Lê Hữu Phước</i>		1	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03485

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 90%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			0,8	1,9	3,9	6,6	0012345678910	0123456789
34	19154126	Nguyễn Mạnh	DH19OT			1	1,9	3,7	6,6	0012345678910	0123456789
35	19154127	Nguyễn Văn	DH19OT			1	1,9	3,1	5,0	0012345678910	0123456789
36	19137055	Nguyễn Thị Yên	DH19NL			1	1,9	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
37	19154129	Phạm Ngọc	DH19OT			1	1,9	4,9	7,8	0012345678910	0123456789
38	17154081	Phạm Trương Hồng	DH17OT			0,9	1,9	2,2	5,0	0012345678910	0123456789
39	17118096	Bùi Nhật	DH17CK			1	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
40	19137061	Lương Ngọc	DH19NL			0,9	1,9	5,8	8,6	0012345678910	0123456789
41	19137066	Châu Văn	DH19NL			1	1,9	1,7	4,6	0012345678910	0123456789
42	19154142	Nguyễn Bảo	DH19OT			0,9	1,9	2,3	5,1	0012345678910	0123456789
43	19137068	Huỳnh Chí	DH19NL			1	1,9	3	5,9	0012345678910	0123456789
44	19154148	Lương Tất	DH19OT			1	1,9	6	8,9	0012345678910	0123456789
45	19137069	Nguyễn Công	DH19NL			1	1,9	3,2	6,1	0012345678910	0123456789
46	19154159	Nguyễn Thanh	DH19OT			0,8	1,9	4	6,7	0012345678910	0123456789
47	19154162	Son Minh	DH19OT			0,9	1,9	1,7	4,5	0012345678910	0123456789
48	19154170	Hoàng Ngọc	DH19OT			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03485

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi **001_DH19OT_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154169	Nguyễn Trọng	Tính			0	0	2,6	2,6	0010345678910	0123456789
50	19137079	Huỳnh Quốc	Tuấn			1	1,9	6,7	9,6	0012345678910	0123456789
51	19154191	Trương Quốc	Việt			0,9	1,8	4	6,7	0012345678910	0123456789
52	19154195	Nguyễn Ngọc	Vinh			1	1,9	3,9	6,8	0012345678910	0123456789
53	19154196	Thạch Thanh	Vũ			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
54	19154197	Trần Thế	Vỹ			0,8	1,8	4,6	7,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Lê Văn Tuấn

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 03486

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			1	1,9	0,5	3,4	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			1	1,8	3	5,8	0012345678910	0123456789
3	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			0,8	1,8	0,9	3,5	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			0,9	1,8	2,6	5,3	0012345678910	0123456789
5	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK			1	1,9	1,2	4,1	0012345678910	0123456789
6	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			1	1,9	0,9	3,8	0012345678910	0123456789
7	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			1	1,3	1,4	3,7	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			1	1,9	1,1	4,0	0012345678910	0123456789
9	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			1	1,9	2,3	5,2	0012345678910	0123456789
10	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			0,8	1,9	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
11	20118156	Đặng Chánh Hậu	DH20CC			1	1,8	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
12	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			0,9	1,8	0,7	3,4	0012345678910	0123456789
13	20118162	Nguyễn Võ Xuân Hiếu	DH20CC					V		0012345678910	0123456789
14	20118165	Trần Văn Hiếu	DH20CC			1	1,6	0,9	3,5	0012345678910	0123456789
15	19154048	Trần Hòa	DH19OT			1	1,9	4,4	7,3	0012345678910	0123456789
16	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			0,9	1,9	0,5	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03486

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154056	Nguyễn Hải	Hung			1	1,8	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
18	19154064	Huỳnh Quang	Khải			0,9	1,9	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
19	20118184	Võ Viết	Khiêm			1	1,6	0,4	3,0	0012345678910	0123456789
20	20118189	Ngô Hà Nhật	Linh			1	1,8	0,4	3,2	0012345678910	0123456789
21	20118192	Trần Danh	Lợi			0,9	1,6	0,4	2,9	0012345678910	0123456789
22	19154089	Trần Đức	Lợi			0,9	1,8	2,1	4,8	0012345678910	0123456789
23	18118090	Phan Trung	Nghĩa			1	1,8	3,4	6,2	0012345678910	0123456789
24	19154105	Nguyễn Xuân	Nhân			0,9	1,8	1,6	4,3	0012345678910	0123456789
25	18154088	Nguyễn Đình	Nhật			1	1,8	4,3	7,1	0012345678910	0123456789
26	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh	Nhật			0,9	1,8	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
27	19154114	Hồ Thanh	Phú			1	1,8	1,9	4,7	0012345678910	0123456789
28	20118232	Huỳnh Trọng	Phúc			0,8	1,9	0,5	3,2	0012345678910	0123456789
29	19154118	Não Hoài	Phúc					V		0012345678910	0123456789
30	20118054	Võ Duy	Phương			0,9	1,8	1,6	4,3	0012345678910	0123456789
31	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang			0,4	1,2	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
32	19118198	Nguyễn Trường	Son			0,8	1,8	1,1	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03486

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **05/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT	<i>Sum</i>		1	1,2	0,6	2,8	0010345678910	0123456789
34	20118059	Ngô Hoàng Tâm	DH20CC	<i>Tâm</i>		0,9	1,8	0,9	3,6	0012045678910	0123456789
35	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	<i>Th</i>		1	1,9	2,5	5,4	0012340678910	0123456789
36	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	<i>Thành</i>		1	1,9	3	5,9	0012340678910	0123456789
37	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT	<i>Thang</i>		0,9	1,9	3	5,8	0012340678910	0123456789
38	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT	<i>Tin</i>		1	1,8	6,2	9	0012345678010	0123456789
39	20118270	Huỳnh Quốc Toàn	DH20CC	<i>Toàn</i>		0,9	1,6	6	8,5	0012345670910	0123456789

Số sinh viên dự thi **39** Số sinh viên vắng **2**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 *nguyễn*

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam An
Nguyễn Nhật Long

Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Thị Phương Thảo

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 06/06/2022



Mã nhận dạng 03487

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 80 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			9	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
2	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			9	6,5	3	4,7	0012345678910	0123456789
3	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			9	0	3	2,7	0012345678910	0123456789
4	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
5	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			9	7,5	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
6	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
7	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			7	7,5	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
8	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
9	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			9	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
10	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			9	7,5	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
11	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			9	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
12	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			9	8	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
13	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
14	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			8	9	1	4,1	0012345678910	0123456789
15	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD							0012345678910	0123456789
16	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			9	7	1	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03487

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			9	5,5	0	2,6	0012345678910	0123456789
18	19118146	Thạch Minh	DH19CC			9	8,5	3	5,3	0012345678910	0123456789
19	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			7	6	2	3,7	0012345678910	0123456789
20	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
21	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			8	9	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
22	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						✓	0012345678910	0123456789
23	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
24	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT			9	6,5	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
25	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			9	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
26	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC						✓	0012345678910	0123456789
27	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK			9	6,5	3	4,7	0012345678910	0123456789
28	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			9	5,5	1	3,2	0012345678910	0123456789
29	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT			9	7	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
30	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			9	8	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
31	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			9	7	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
32	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD						✓	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03487

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT	<i>Nguyễn Văn Toàn</i>		9	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
34	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC	<i>Lê Minh Trung</i>		8	6,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
35	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL	<i>Vũ Nhật Trường</i>		8	0	4	3,2	0012345678910	0123456789
36	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC	<i>Đặng Minh Tuấn</i>		8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789
37	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT	<i>Nguyễn Hữu Tuấn</i>		8	8	0	3,2	0012345678910	0123456789
38	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT	<i>Nguyễn Tài Tuệ</i>		8	7	0	2,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32. Số sinh viên vắng 0.6

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Thị Kim Ngà

Nguyễn Văn Toàn

Nguyễn Văn Toàn
Ký Đoàn Trưởng

Trần Thị Kim Ngà



Mã nhận dạng 03488

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **001_DH20CD_02**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Số Tin Ch 2

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20153054	Trương Lê Hoài An	DH20CD	<i>Hoài</i>		9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD	<i>Anh</i>		9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
3	20153056	Trần Huỳnh Quốc Bảo	DH20CD	<i>B</i>		9	6,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
4	20153057	Vương Trần Gia Bảo	DH20CD	<i>B</i>		9	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
5	20153003	Nguyễn Khánh Bình	DH20CD	<i>B</i>		9	8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
6	20153059	Lê Trường Chinh	DH20CD	<i>C</i>		9	6,5	0	2,9	0012345678910	0123456789
7	20153061	Ma Văn Danh	DH20CD	<i>Danh</i>		9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
8	20153068	Trương Quang Denni	DH20CD	<i>v</i>					<i>v</i>	0012345678910	0123456789
9	20153069	Nguyễn Thành Diện	DH20CD	<i>Diện</i>		9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
10	20153072	Đỗ Mạnh Dũng	DH20CD	<i>B</i>		9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
11	20153073	Nguyễn Phương Duy	DH20CD	<i>Phu</i>		9	9	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	<i>v</i>					<i>v</i>	0012345678910	0123456789
13	20153062	Vô Văn Đạo	DH20CD	<i>Đ</i>		9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
14	20153063	Nguyễn Nhật Thành Đạt	DH20CD	<i>Đ</i>		9	7,5	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
15	20153065	Nguyễn Thành Đạt	DH20CD	<i>Đ</i>		8	7	0,5	3,2	0012345678910	0123456789
16	20153067	Nguyễn Tiến Đạt	DH20CD	<i>Đ</i>		9	9	2,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03488

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **001_DH20CD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153060	Phạm Hải Đăng	DH20CD			9	7,5	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
18	20153070	Nguyễn Ngọc Đình	DH20CD			9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
19	20153071	Vũ A Đức	DH20CD			8	5,5	4	4,9	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			9	8	6,5	3,6	0012345678910	0123456789
21	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
22	20153075	Nguyễn Chí Hiếu	DH20CD			9	7	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
23	20153076	Nguyễn Trung Hiếu	DH20CD			9	6	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	20153078	Võ Minh Hiếu	DH20CD			9	7	0	3,0	0012345678910	0123456789
25	20153079	Hoàng Trọng Hòa	DH20CD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
26	20153080	Đoàn Huy Hoàng	DH20CD			9	7,5	6,5	3,5	0012345678910	0123456789
27	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
28	20153081	Vũ Đình Hoàng	DH20CD			9	8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
29	20153083	Trịnh Phi Hồng	DH20CD			9	9	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	20153082	Nguyễn Thanh Hôn	DH20CD			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
31	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			9	6,5	2	4,1	0012345678910	0123456789
32	20153084	Võ Phi Hùng	DH20CD			9	9	1,5	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03488

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **001_DH20CD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153087	Hồ Gia Huy	DH20CD			9	8	0,5	3,6	0012345678910	0123456789
34	20153088	Lý Quốc Huy	DH20CD			9	0	0	0,9	0012345678910	0123456789
35	20153089	Trương Ngô Minh Huy	DH20CD			9	2,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... 32 Số sinh viên vắng ... 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Hồ Ngọc Thảo

Phan Trọng Nghĩa

Ngô Đức Khánh

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 03489

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **002_DH20CD_02**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			9	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	20153091	Nguyễn Đình Khiêm	DH20CD			9	9	1	4,2	0012345678910	0123456789
3	20153016	Đỗ Minh Khoa	DH20CD						V	0012345678910	0123456789
4	20153092	Nguyễn Em Hoàng	DH20CD			9	7,5	3	5,0	0012345678910	0123456789
5	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			9	7,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
6	20153093	Nguyễn Trung Kiên	DH20CD			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
8	20153094	Nguyễn Anh Kiệt	DH20CD			9	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
9	20153095	Nguyễn Trần Nhật Linh	DH20CD			9	8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
10	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT			9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
11	20153096	Lê Thanh Lộc	DH20CD			9	7,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
12	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			9	7,6	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
13	20153097	Nguyễn Minh Luân	DH20CD			9	7,5	0	3,2	0012345678910	0123456789
14	20153098	Nguyễn Minh Luân	DH20CD			9	7,5	3	5,0	0012345678910	0123456789
15	20153099	Nguyễn Hữu Lý	DH20CD			9	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
16	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			9	8,5	6	7,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03489

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **002_DH20CD_02**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Phòng Thi **TV201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>		8	8	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
18	19118143	Lê Công Minh	DH19CK	<i>V</i>					<i>V</i>	0012345678910	0123456789
19	20153103	Trần Thuyết Minh	DH20CD	<i>Thuyết</i>		9	7	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
20	20153053	Hoàng Hoài Nam	DH20CD	<i>Hoàng</i>		9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
21	20153104	Nguyễn Hoài Nam	DH20CD	<i>Nam</i>		9	5,5	1	3,2	0012345678910	0123456789
22	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT	<i>Nam</i>		9	7,6	3	5,0	0012345678910	0123456789
23	20153106	Lê Thành Nhật	DH20CD	<i>Thành</i>		8	7,5	0,5	3,4	0012345678910	0123456789
24	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT	<i>Nguyễn</i>		9	6	3	4,5	0012345678910	0123456789
25	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	<i>Phi</i>		9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
26	20153107	Hồ Gia Phong	DH20CD	<i>V</i>					<i>V</i>	0012345678910	0123456789
27	20153108	Tạ Chiêu Phong	DH20CD	<i>Phong</i>		9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
28	20153109	Trần Vĩnh Phú	DH20CD	<i>Phú</i>		9	7,5	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
29	20153110	Bùi Đức Phúc	DH20CD	<i>Phúc</i>		9	6	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
30	20153112	Đoàn Hoàng Phúc	DH20CD	<i>Phúc</i>		9	6,5	2	4,1	0012345678910	0123456789
31	20153113	Lê Văn Phúc	DH20CD	<i>Phúc</i>		9	6,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
32	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT	<i>V</i>					<i>V</i>	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03489

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **002_DH20CD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153114	Nguyễn Trần Quang Phước	DH20CD	Phước		9	5,5	0,5	2,9	0012345678910	0123456789
34	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT	✓					✓	0012345678910	0123456789
35	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD	Quang		9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
36	20153116	Phạm Mạnh Quốc	DH20CD	Quốc		9	9	1	4,2	0012345678910	0123456789
37	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK	Quyết		9	9	1	4,2	0012345678910	0123456789
38	20153118	Nguyễn Văn Tâm	DH20CD	Tâm		9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
39	20153119	Tô Thành Tân	DH20CD	Tân		9	6,5	0	2,9	0012345678910	0123456789
40	20153031	Vũ Đình Tấn	DH20CD	Tấn		8	0	0	0,8	0012345678910	0123456789
41	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD	Thái		9	8,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
42	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD	Thanh		9	7	5	6,0	0012345678910	0123456789
43	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT	Thiện		9	9,7	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
44	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT	Thi		9	7,9	0	3,3	0012345678910	0123456789
45	20153123	Nguyễn Nhật Thi	DH20CD	✓					✓	0012345678910	0123456789
46	20153124	Nhan Thanh Thiên	DH20CD	✓					✓	0012345678910	0123456789
47	20153125	Hồ Văn Thịnh	DH20CD	Thịnh		9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
48	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD	Thông		8	7	2,5	4,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03489

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **002_DH20CD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20153126	Trần Trương Minh	Thống	DH20CD		9	5	1	3,0	0012345678910	0123456789
50	19154161	Lâm Gia	Thuận	DH19OT		8	6,7	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
51	20153128	Nguyễn Xuân	Tiến	DH20CD		9	6,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
52	19154166	Huỳnh Công	Tín	DH19OT		9	6	5	6,6	0012345678910	0123456789
53	20153131	Trần Nguyễn Nhật	Trà	DH20CD						0012345678910	0123456789
54	20153132	Nguyễn Tấn	Trung	DH20CD		9	6,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
55	20153040	Lữ Trọng	Trường	DH20CD		8	0	0,5	1,1	0012345678910	0123456789
56	19154177	Nguyễn Nguyên	Trường	DH19OT		9	5	0,5	2,7	0012345678910	0123456789
57	19138088	Nguyễn Nhật	Trường	DH19TD		9	6	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
58	20153133	Lương Anh	Tú	DH20CD		9	7,5	0	3,2	0012345678910	0123456789
59	20153134	Triệu Anh	Tuấn	DH20CD		9	9	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
60	20153136	Nguyễn Thanh	Tùng	DH20CD		9	9,5	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
61	20153042	Phạm Nhất	Uy	DH20CD		9	5,5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
62	20153138	Trần Tuấn	Vĩ	DH20CD		9	5,5	1	3,2	0012345678910	0123456789
63	20153139	Lê Huỳnh Công	Việt	DH20CD		9	8,5	3	5,3	0012345678910	0123456789
64	20153044	Trương Hải	Việt	DH20CD		9	5,5	0	2,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03489

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Nhóm Thi **DH20CD_02**

Tổ Thi **002_DH20CD_02**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Phòng Thi **TV201**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20153141	Lê Vũ	DH20CD	<i>Vũ</i>		9	6	0	27	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **57**. Số sinh viên vắng **08**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Hiền

Cán bộ coi thi 2

Võ Huy Thiệp

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Nguyễn Đức Chiến

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Trần Thị Kim Nga

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____



Mã nhận dạng 03492

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207135)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			9	5,5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			9	6,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			8	9	1	4,1	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			8	6	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			9	5,5	1	3,2	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			9	5	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			9	6,5	1	3,5	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			7	5,5	1	3,0	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9	8,5	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			9	8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03492

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207135)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **13**... Số sinh viên vắng **0**...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Trong Nghia

Cán bộ coi thi 2

nguyễn nhứt Lay

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Nguyễn Đình Kiên

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 03493

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CKC_01**

Tổ Thi **001_DH20CKC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Viết Nguyên	Chương	DH20CKC	<i>ce</i>	1	1.8	2.2	5	0012345678910	0123456789
2	20118145	Dương Nguyễn Viết	Dũng	DH20CKC				V	V	0012345678910	0123456789
3	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC	<i>P</i>	1	1.8	5	7.8	0012345678910	0123456789
4	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC	<i>PM</i>	1	1.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
5	20152009	Vũ Đặng Tuấn	Kiệt	DH20CKC				V	V	0012345678910	0123456789
6	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC	<i>LT</i>	1	1.7	0.5	3.2	0012345678910	0123456789
7	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC	<i>LV</i>	1	1.6	2.7	5.3	0012345678910	0123456789
8	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC	<i>LD</i>	1	1.2	0.8	3.0	0012345678910	0123456789
9	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC	<i>Nam</i>	1	1.7	1.3	4.0	0012345678910	0123456789
10	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC				V	V	0012345678910	0123456789
11	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC	<i>Phong</i>	1	1.9	1.8	4.7	0012345678910	0123456789
12	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC	<i>DM</i>	1	1.6	0.5	3.1	0012345678910	0123456789
13	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC	<i>TN</i>	1	1.8	5.5	8.3	0012345678910	0123456789
14	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC	<i>LA</i>	1	1.9	5.3	5.2	0012345678910	0123456789
15	20118288	Lương Nhật Trần	Vinh	DH20CKC						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03493

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CKC_01**

Tổ Thi **001_DH20CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Võ Huy Thỉnh

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 03494

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			1	1,2	5,9	8,1	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			1	1,2	5,7	7,9	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			1	1,2	5,9	8,1	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			1	1,2	6,2	8,4	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			1	1,6	4,1	6,7	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			1	1,6	4,1	6,7	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			1	1,6	6,2	8,8	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			1	1,6	5,9	8,5	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			1	1,6	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			1	1,6	6,2	8,8	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			1	1,6	5,5	8,1	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			1	1,6	6,2	8,8	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			1	1,6	3,6	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03494

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 6 Tháng 7 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

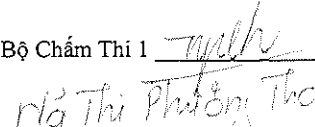
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Cán bộ coi thi 1


nguyễn nhật Long


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 03508

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK			1	1,9	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
2	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK			1	1,9	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
3	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK			1	1,9	2,2	5,1	0012345678910	0123456789
4	20118011	Đặng Hữu Minh	DH20CK			1	2	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
5	20118149	Nguyễn Văn Duy	DH20CK			1	1,4	2,2	4,6	0012345678910	0123456789
6	20118150	Phạm Hoàng Đông	DH20CK			1	1,9	4,2	7,1	0012345678910	0123456789
7	20118136	Võ Thái Đạt	DH20CK			1	1,8	1,3	4,1	0012345678910	0123456789
8	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK			1	1,8	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
9	20118130	Trần Minh Đăng	DH20CK			1	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
10	20118142	Đỗ Hoàng Đức	DH20CK			0,8	0	1,7	2,5	0012345678910	0123456789
11	20118143	Nguyễn Anh Đức	DH20CK			0,8	2	0,2	3,0	0012345678910	0123456789
12	20118144	Phạm Minh Đức	DH20CK			1	1,8	0,4	3,2	0012345678910	0123456789
13	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			1	1,5	1,6	4,1	0012345678910	0123456789
14	20118154	Nguyễn Xuân Hải	DH20CK			1	1,8	0,2	3,0	0012345678910	0123456789
15	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK			1	1,8	0,2	3,0	0012345678910	0123456789
16	20118160	Nguyễn Minh Hiếu	DH20CK			1	2	1,1	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03508

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118166	Lâm Long Hồ	DH20CK			1	1,5	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
18	20118169	Nguyễn Văn Hùng	DH20CK			0,8	2	3,1	5,9	0012345678910	0123456789
19	20118172	Nguyễn Bá Huy	DH20CK			1	1,9	0	2,9	0012345678910	0123456789
20	20118175	Phan Lê Ngọc Huy	DH20CK			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
21	20118176	Võ Đức Phát Huy	DH20CK			1	1,9	1,1	4,0	0012345678910	0123456789
22	20118170	Nguyễn Bình Hưng	DH20CK			1	1,9	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
23	20118181	Nguyễn Hoàng Khang	DH20CK			1	2	3,2	6,2	0012345678910	0123456789
24	20118182	Lê Minh Khanh	DH20CK			1	1,5	0,1	2,6	0012345678910	0123456789
25	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			1	2	5	8,0	0012345678910	0123456789
26	20118187	Trần Tuấn Kiệt	DH20CK			0,8	1,5	5	7,3	0012345678910	0123456789
27	20118194	Nguyễn Minh Phi Long	DH20CK			1	2	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
28	20118195	Hồ Quang Luyt	DH20CK			1	1,8	0,8	3,6	0012345678910	0123456789
29	20118198	Võ Quốc Minh	DH20CK			1	1,9	1,1	4,0	0012345678910	0123456789
30	20118207	Trần Minh Nghĩa	DH20CK			1	1,9	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
31	20118209	Trần Thái Ngọc	DH20CK			1	1,9	5	7,9	0012345678910	0123456789
32	20118210	Đào Nguyễn Trung Nguyên	DH20CK			1	1,9	5	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03508

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			1	1,9	1,6	4,5	0012345678910	0123456789
34	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			1	2	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
35	20118215	Phan Văn Nhất	DH20CK			0,8	2	0,8	3,6	0012345678910	0123456789
36	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK			1	1,9	0,2	3,1	0012345678910	0123456789
37	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
38	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK			1	1,8	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
39	20118225	Trần Nhật Phát	DH20CK			1	1,9	0	2,9	0012345678910	0123456789
40	20118227	Đỗ Thành Phong	DH20CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
41	20153112	Đoàn Hoàng Phúc	DH20CD			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
42	20118107	Phạm Đình Phúc	DH20CK			1	2	4	7,0	0012345678910	0123456789
43	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK			1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
44	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			1	1,8	4	6,8	0012345678910	0123456789
45	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
46	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			1	2	1,6	4,6	0012345678910	0123456789
47	20118257	Nguyễn Phú Thành	DH20CK			1	2	4,4	7,4	0012345678910	0123456789
48	20118252	Nguyễn Quốc Thái	DH20CK			1	2	0,3	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03508

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK			1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
50	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK			1	1,9	1,3	4,2	0012345678910	0123456789
51	20118263	Nguyễn Hoàng Thông	DH20CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
52	20118264	Nguyễn Đức Thuần	DH20CK			1	2	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
53	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK			1	1,9	2,1	5,0	0012345678910	0123456789
54	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK			1	2	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
55	20118274	Nguyễn Trọng Triết	DH20CK			1	2	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
56	20118275	Lê Minh Trọng	DH20CK			1	1,4	0,2	2,6	0012345678910	0123456789
57	20118276	Huỳnh Quang Trung	DH20CK			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
58	20118278	Nguyễn Thành Trung	DH20CK			1	1,5	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
59	20118285	Trương Thanh Tùng	DH20CK					✓	✓	0012345678910	0123456789
60	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK			1	1,9	3,2	6,1	0012345678910	0123456789
61	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK			1	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
62	20118289	Nguyễn Xuân Vinh	DH20CK			1	1,4	0,2	2,6	0012345678910	0123456789
63	20118291	Lâm Huỳnh Anh Vũ	DH20CK			1	2	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
64	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK			1	1,9	3,8	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03508

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 001_DH20CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

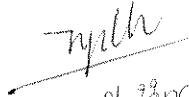
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

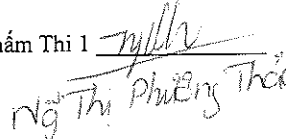
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vu Huy Thinh


Nguyễn Thị Phương Thảo


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_02**

Tổ Thi **001_DH20NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	Dương Lợi An	DH20NL			0,6	1,8	0,4	2,8	0010345678910	0123456789
2	20137064	Nguyễn Tấn An	DH20NL			1	1,4	0	2,4	0010345678910	0123456789
3	20137066	Nguyễn Lê Quốc Bảo	DH20NL			1	1,8	1,6	4,4	0012345678910	0123456789
4	20137067	Nguyễn Thành Chí	DH20NL			1	1,8	0,4	3,2	0012345678910	0123456789
5	20137070	Trịnh Tấn Dư	DH20NL			1	1,7	1,3	4,0	0012345678910	0123456789
6	20137068	Nguyễn Văn Đại	DH20NL			1	1,7	0	2,7	0012345678910	0123456789
7	20137009	Nguyễn Quốc Đạt	DH20NL			1	1,7	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
8	20137069	Lê Minh Đăng	DH20NL			1	1,7	0	2,7	0012345678910	0123456789
9	20137074	Lê Thanh Hà	DH20NL			1	1,7	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
10	20137075	Trương Tấn Hải	DH20NL			1	1,7	0,6	3,3	0012345678910	0123456789
11	20137076	Hồ Thị Hồng Hạnh	DH20NL			1	1,7	1,8	4,5	0012345678910	0123456789
12	20137078	Lê Quang Hào	DH20NL			1	1,7	0	2,7	0012345678910	0123456789
13	20137014	Nguyễn Nhứt Hiệp	DH20NL			1	1,7	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
14	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK			1	2	0	3,0	0012345678910	0123456789
15	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL					V	V	0012345678910	0123456789
16	20137084	Trần Quang Huy	DH20NL			1	1,6	2,1	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03509

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207150)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_02**

Tổ Thi **001_DH20NL_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137024	Trương Anh Huyền	DH20NL			1	1,8	0	2,8	0012345678910	0123456789
18	20137085	Đặng Quang Khải	DH20NL			1	1,6	0	2,6	0012345678910	0123456789
19	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			1	1,6	5	7,6	0012345678910	0123456789
20	20137086	Lê Bảo Khang	DH20NL			1	1,6	0,2	2,8	0012345678910	0123456789
21	20137087	Cao Duy Khánh	DH20NL			1	1,7	0,2	2,9	0012345678910	0123456789
22	20137088	Võ Đăng Khoa	DH20NL			1	1,8	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
23	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD					✓	✓	0012345678910	0123456789
24	20137089	Lý Chí Kiệt	DH20NL			1	1,7	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
25	20137090	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH20NL			1	1,9	5,6	8,5	0012345678910	0123456789
26	20137091	Phạm Tuấn Kiệt	DH20NL			1	1,7	0,4	3,1	0012345678910	0123456789
27	20137094	Huỳnh Hoài Lâm	DH20NL			1	1,8	2	4,8	0012345678910	0123456789
28	20137095	Nguyễn Hoàng Linh	DH20NL			1	1,9	4	6,9	0012345678910	0123456789
29	20137096	Hà Phước Lộc	DH20NL			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
30	20137098	Trần Đức Lương	DH20NL			1	1,8	0	2,8	0012345678910	0123456789
31	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL					✓	✓	0012345678910	0123456789
32	20137099	Phạm An Ninh	DH20NL			1	1,9	4,3	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhân dạng 03509

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL 02**

Tổ Thi 001 DH20NL 02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137100	Trần Thanh Pháp	DH20NL			1	1,8	1,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	20137104	Bùi Lê Vinh Phú	DH20NL			1	1,9	1,3	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	20137105	Nguyễn Trọng Phú	DH20NL			1	1,9	0,4	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	20137107	Ngô Hoàng Phúc	DH20NL			1	1,8	3,8	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	20137039	Đỗ Minh Quân	DH20NL			1	1,6	0,7	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	19137051	Phạm Trung Quân	DH20NL			1	1,6	0,4	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	20137110	Đinh Văn Quý	DH20NL			1	1,7	0,7	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	20137111	Trần Thanh Sang	DH20NL					✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	20137112	Lê Văn Tài	DH20NL			1	1,6	1,6	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	20137113	Nguyễn Trọng Tâm	DH20NL			1	1,6	0	2,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	DH20NL			1	1,6	1,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	20137116	Nguyễn Dương Thái	DH20NL			1	1,9	0,7	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	20152012	Hồ Vinh Thế	DH20NL			1	1,6	0	2,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	20137118	Bùi Thị Nhật Thiên	DH20NL			1	1,6	0	2,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	20137119	Lương Văn Thịnh	DH20NL			1	1,8	3,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	20137047	Phạm Như Tâm Thông	DH20NL			1	1,8	0,4	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 03509

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207150)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH20NL_02

Tổ Thi 001_DH20NL_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20137122	Ngô Thanh	Tiếng	DH20NL	Tiếng	1	1,6	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
50	20137126	Võ Bảo	Toàn	DH20NL	Mỹ	1	1,8	0,2	3,0	0012345678910	0123456789
51	20137129	Nguyễn Thanh	Trang	DH20NL	Trang	1	1,8	0	2,8	0012345678910	0123456789
52	20137131	Trần Quốc	Trung	DH20NL	Quốc	1	1,7	4,5	7,2	0012345678910	0123456789
53	20137057	Lương Minh	Tuấn	DH20NL	Minh	1	1,6	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
54	20137132	Bùi Ngọc Anh	Tuấn	DH20NL	Anh	1	1,8	3	5,8	0012345678910	0123456789
55	20137133	Triệu	Vân	DH20NL				v	v	0012345678910	0123456789
56	20137136	Nguyễn Quốc	Việt	DH20NL				v	v	0012345678910	0123456789
57	20137137	Nguyễn Lê	Vin	DH20NL	Vin	1	1,8	0,4	3,2	0012345678910	0123456789
58	20137138	Trần Tấn	Vý	DH20NL	Tấn	1	1,7	0	2,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền
Ngày in : 06/06/2022

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 03510

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CC_01**

Tổ Thi **001_DH20CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118115	Đình Thế Anh	DH20CC			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
2	20118118	Võ Nguyễn Văn Hoài	Bắc	DH20CC		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
3	20153003	Nguyễn Khánh	Bình	DH20CD		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
4	20118124	Nguyễn Quốc	Bình	DH20CC						0012345678910	0123456789
5	20153061	Ma Văn	Danh	DH20CD		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
6	20118138	Nguyễn Tuấn	Diệu	DH20CC						0012345678910	0123456789
7	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
8	20118132	Nguyễn Gia	Đạt	DH20CC		10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
9	20153065	Nguyễn Thành	Đạt	DH20CD		10	8	2,5	6,1	0012345678910	0123456789
10	20153060	Phạm Hải	Đăng	DH20CD		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
11	20118019	Nguyễn Võ Anh	Hào	DH20CC		9	7,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
12	20118156	Đặng Chánh	Hậu	DH20CC		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
13	20118158	Bùi Vinh	Hiền	DH20CC		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
14	20118161	Nguyễn Minh	Hiếu	DH20CC		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
15	20118162	Nguyễn Võ Xuân	Hiếu	DH20CC		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
16	20118165	Trần Văn	Hiếu	DH20CC		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03510

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20CC_01**

Tổ Thi **001_DH20CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20152008	Nguyễn Gia Huy	DH20CC			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
18	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
19	20153091	Nguyễn Đình Khiêm	DH20CD			10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
20	20118184	Võ Viết Khiêm	DH20CC			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
21	20153093	Nguyễn Trung Kiên	DH20CD			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
22	20118186	Trần Văn Kiên	DH20CC			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
24	20118189	Ngô Hà Nhật Linh	DH20CC			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
25	20118193	Đặng Ngọc Long	DH20CC			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 23 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

K.V.V. Truong
Ngày in : 06/06/2022

Nguyễn Nhật Long

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CC_01**

Tổ Thi **002_DH20CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118192	Trần Danh Lợi	DH20CC			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
2	20153053	Hoàng Hoài Nam	DH20CD			10	8	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
3	20153104	Nguyễn Hoài Nam	DH20CD			10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
4	20118206	Phan Trọng Nghĩa	DH20CC							0012345678910	0123456789
5	20118216	Thiên Hoàng Nhật	DH20CC			10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
6	20118218	Võ Thành Pháp	DH20CC			9	7,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
7	20118221	Dương Tấn Phát	DH20CC			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
8	20118220	Đỗ Minh Phát	DH20CC			9	7,5	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
9	20118229	Mai Trọng Phú	DH20CC			9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
10	20118230	Ung A Phú	DH20CC			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	20118234	Trần Hưng Phụng	DH20CC			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
12	20153114	Nguyễn Trần Quang Phước	DH20CD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
13	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
14	20118054	Võ Duy Phương	DH20CC			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	20118242	Trần Quang Sang	DH20CC			9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
16	20118244	Nguyễn Tân Hoàng Tài	DH20CC			7	7	5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03511

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CC_01**

Tổ Thi **002_DH20CC_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118246	Đoàn Văn Tâm	DH20CC			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
18	20118059	Ngô Hoàng Tâm	DH20CC			16	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
19	20118253	Nguyễn Đình Thắng	DH20CC			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
20	20118262	Lư Chí Thông	DH20CC			9	7,5	3	5,0	0012345678910	0123456789
21	20118268	Nguyễn Hoàng Tiến	DH20CC			10	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
22	20153040	Lữ Trọng Trường	DH20CD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
23	20153133	Lương Anh Tú	DH20CD			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
24	20118282	Nguyễn Đặng Minh Tuấn	DH20CC			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
25	20153138	Trần Tuấn Vĩ	DH20CD			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
26	20153044	Trương Hải Việt	DH20CD			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 25 Số sinh viên vắng ...1..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1
Ngày in : 06/06/2022

Cán bộ coi thi 2
Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03512

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_02**

Tổ Thi **001_DH20CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK	<i>Ae</i>		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
2	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK	<i>Bm</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
3	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	<i>Ca</i>		8	7	2	4,0	0012345678910	0123456789
4	20153069	Nguyễn Thành Diện	DH20CD	<i>Da</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
5	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK	<i>Dung</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
6	20118011	Đặng Hữu Minh Duy	DH20CK	<i>Duy</i>		10	8	0,5	3,7	0012345678910	0123456789
7	20118149	Nguyễn Văn Duy	DH20CK	<i>NZ</i>		10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
8	20118150	Phạm Hoàng Đông Duy	DH20CK	<i>D</i>		10	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
9	20153067	Nguyễn Tiến Đạt	DH20CD	<i>Dat</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
10	20118136	Võ Thái Đạt	DH20CK	<i>Dat</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
11	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK	<i>De</i>		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
12	20118130	Trần Minh Đăng	DH20CK	<i>Da</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
13	20118142	Đỗ Hoàng Đức	DH20CK	<i>Duc</i>		8	7	0	2,9	0012345678910	0123456789
14	20118144	Phạm Minh Đức	DH20CK	<i>Da</i>		10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
15	20118154	Nguyễn Xuân Hải	DH20CK	<i>Hai</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
16	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK	<i>He</i>		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03512

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_02**

Tổ Thi **001_DH20CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118159	Nguyễn Đoàn Thanh	Hiền	DH20CK		9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
18	20118160	Nguyễn Minh	Hiếu	DH20CK		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
19	20118166	Lâm Long	Hồ	DH20CK		10	8	0,5	3,7	0012345678910	0123456789
20	20118175	Phan Lê Ngọc	Huy	DH20CK		9	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
21	20118176	Võ Đức Phát	Huy	DH20CK		10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
22	20118170	Nguyễn Bình	Hung	DH20CK		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	20118181	Nguyễn Hoàng	Khang	DH20CK		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
24	20118182	Lê Minh	Khanh	DH20CK		9	7,5	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
25	20118033	Nguyễn Quốc	Khánh	DH20CK		10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
26	20118187	Trần Tuấn	Kiệt	DH20CK		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
27	20118194	Nguyễn Minh Phi	Long	DH20CK		9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
28	20153096	Lê Thanh	Lộc	DH20CD		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
29	20118195	Hồ Quang	Luyết	DH20CK		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
30	20153099	Nguyễn Hữu	Lý	DH20CD		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
31	20118198	Võ Quốc	Minh	DH20CK		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
32	20118207	Trần Minh	Nghĩa	DH20CK		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03512

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_02**

Tổ Thi **001_DH20CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118209	Trần Thái Ngọc	DH20CK			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	20118210	Đào Nguyễn Trung	DH20CK			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
35	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Quang Trí

Trần Thanh Thiên

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 03513

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_02**

Tổ Thi **002_DH20CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118215	Phan Văn Nhật	DH20CK	<i>Phan</i>		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
2	20153106	Lê Thành Nhật	DH20CD	<i>le</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
3	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK	<i>Ph</i>		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
4	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK		✓					0012345678910	0123456789
5	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK	<i>Phan</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
6	20118225	Trần Nhật Phát	DH20CK	<i>Pz</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
7	20118227	Đỗ Thành Phong	DH20CK		✓					0012345678910	0123456789
8	20153109	Trần Vĩnh Phú	DH20CD	<i>Tr</i>		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
9	20118107	Phạm Đình Phúc	DH20CK	<i>Ph</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
10	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK	<i>Ph</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
11	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
12	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
13	20118257	Nguyễn Phú Thành	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
14	20118252	Nguyễn Quốc Thái	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
15	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
16	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK	<i>Tr</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03513

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_02**

Tổ Thi **002_DH20CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118263	Nguyễn Hoàng Thông	DH20CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20118264	Nguyễn Đức Thuận	DH20CK	<i>Đức Thuận</i>		10	8	4,5	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK	<i>Toàn</i>		10	8	2,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK	<i>Đức Toàn</i>		10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20153131	Trần Nguyễn Nhật Trà	DH20CD		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20118274	Nguyễn Trọng Triết	DH20CK	<i>Trọng Triết</i>		10	8	2	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20118275	Lê Minh Trọng	DH20CK	<i>Minh Trọng</i>		10	8	0	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20118276	Huỳnh Quang Trung	DH20CK	<i>Quang Trung</i>		9	8	1,5	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	20118278	Nguyễn Thành Trung	DH20CK	<i>Thành Trung</i>		8	8	2,5	4,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK	<i>Thái Vi</i>		10	8	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	20153139	Lê Huỳnh Công Việt	DH20CD	<i>Việt</i>		10	8	5,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK	<i>Việt</i>		10	8	7,5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	20118289	Nguyễn Xuân Vinh	DH20CK	<i>Vinh</i>		8	8	2	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	20118291	Lâm Huỳnh Anh Vũ	DH20CK	<i>Vũ</i>		10	8	4	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK	<i>Vương</i>		10	8	3	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03513

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật điện(207152)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_02

Tổ Thi 002_DH20CK_02

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1:
Cán bộ coi thi 2:

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03514

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_03**

Tổ Thi **001_DH20NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137063	Dương Lợi An	DH20NL		1	5	7	0,5	2,4	0012345678910	0123456789
2	20137064	Nguyễn Tấn An	DH20NL		1	9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
3	20137066	Nguyễn Lê Quốc Bảo	DH20NL		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	20137067	Nguyễn Thành Chí	DH20NL		1	10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
5	20137070	Trịnh Tấn Dur	DH20NL		1	10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
6	20137068	Nguyễn Văn Đại	DH20NL		1	7	7	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
7	20153063	Nguyễn Nhật Thành Đạt	DH20CD		1	10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
8	20137009	Nguyễn Quốc Đạt	DH20NL		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
9	20137069	Lê Minh Đăng	DH20NL		1	10	8	0,5	3,7	0012345678910	0123456789
10	19118041	K' Đông	DH19CC		1	10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
11	20137074	Lê Thanh Hà	DH20NL		1	10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
12	20137075	Trương Tấn Hải	DH20NL		1	10	7	2	4,1	0012345678910	0123456789
13	20137076	Hồ Thị Hồng Hạnh	DH20NL		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
14	20137077	Phùng Vi Hào	DH20NL		1	8	7	0	2,9	0012345678910	0123456789
15	20137078	Lê Quang Hào	DH20NL		1	10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
16	20137014	Nguyễn Nhựt Hiệp	DH20NL		1	10	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03514

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_03**

Tổ Thi **001_DH20NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153076	Nguyễn Trung Hiếu	DH20CD		1	10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
18	20153083	Trịnh Phi Hồng	DH20CD		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
19	20118169	Nguyễn Văn Hùng	DH20CK		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
20	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL							0012345678910	0123456789
21	20137084	Trần Quang Huy	DH20NL		1	10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
22	20137024	Trương Anh Huyền	DH20NL		1	10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
23	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC		1	10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
24	20137085	Đặng Quang Khải	DH20NL		1	10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
25	20137086	Lê Bảo Khang	DH20NL		1	9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
26	20137087	Cao Duy Khánh	DH20NL		1	9	7,5	3	5,0	0012345678910	0123456789
27	20137088	Võ Đăng Khoa	DH20NL		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
28	20137089	Lý Chí Kiệt	DH20NL		1	10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
29	20137090	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH20NL		1	10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
30	20137091	Phạm Tuấn Kiệt	DH20NL		1	10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
31	20137094	Huỳnh Hoài Lâm	DH20NL		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
32	20137095	Nguyễn Hoàng Linh	DH20NL		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03514

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_03**

Tổ Thi **001_DH20NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20137098	Trần Đức Lương	DH20NL		1	10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
34	20153103	Trần Thuyết Minh	DH20CD		1	10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
35	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
36	20137099	Phạm An Ninh	DH20NL		1	10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
37	20137100	Trần Thanh Pháp	DH20NL		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
38	20137104	Bùi Lê Vĩnh Phú	DH20NL		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
39	20137105	Nguyễn Trọng Phú	DH20NL		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
40	20137107	Ngô Hoàng Phúc	DH20NL		1	10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
41	20137109	Nguyễn Minh Phương	DH20NL		1	9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
42	20137039	Đỗ Minh Quân	DH20NL		1	10	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
43	19137051	Phạm Trung Quân	DH20NL		1	10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
44	20137110	Đinh Văn Quý	DH20NL		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
45	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD		1	10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
46	20137111	Trần Thanh Sang	DH20NL							0012345678910	0123456789
47	20137112	Lê Văn Tài	DH20NL		1	10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
48	20137113	Nguyễn Trọng Tâm	DH20NL		1	9	7,5	3,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03514

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_03**

Tổ Thi **001_DH20NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20137115	Đặng Nguyễn Hoàng Thái	DH20NL		1	10	8	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
50	20137116	Nguyễn Dương Thái	DH20NL		1	10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
51	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
52	20118254	Nguyễn Minh Thắng	DH20CC		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
53	20152012	Hồ Vĩnh Thê	DH20NL		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
54	20137118	Bùi Thị Nhật Thiên	DH20NL		1	10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
55	20137119	Lương Văn Thịnh	DH20NL		1	10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
56	20118260	Nguyễn Văn Thịnh	DH20CC		1	10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
57	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD		1	10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
58	20137047	Phạm Như Tâm Thông	DH20NL		1	10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
59	20153126	Trần Trương Minh Thông	DH20CD		1	10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
60	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC		1	9	7,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
61	20137122	Ngô Thanh Tiếng	DH20NL		1	9	7,5	5	6,2	0012345678910	0123456789
62	20118270	Huỳnh Quốc Toàn	DH20CC		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
63	20137126	Võ Bảo Toàn	DH20NL		1	10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
64	20137129	Nguyễn Thanh Trang	DH20NL		1	8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03514

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_03**

Tổ Thi **001_DH20NL_03**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20153132	Nguyễn Tấn Trung	DH20CD		1	9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
66	20137131	Trần Quốc Trung	DH20NL		1	10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
67	20118285	Trương Thanh Tùng	DH20CK							0012345678910	0123456789
68	20118280	Dương Minh Tú	DH20CC		1	9	7,5	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
69	20137057	Lương Minh Tuấn	DH20NL		1	10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
70	20137132	Bùi Ngọc Anh Tuấn	DH20NL		1	10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
71	20153134	Triệu Anh Tuấn	DH20CD		1	10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
72	20153042	Phạm Nhật Uy	DH20CD		1	10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
73	20137136	Nguyễn Quốc Việt	DH20NL							0012345678910	0123456789
74	20137137	Nguyễn Lê Vin	DH20NL		1	10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
75	20137138	Trần Tấn Vỹ	DH20NL		1	8	7	4,5	5,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 11. Số sinh viên vắng 04.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 06/06/2022

N. V. Kiệp

Hồ Văn Nghĩa

Trương Quang Hùng

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03515

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **001_DH20TD_04**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
2	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
3	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
4	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD			9	7,5	3	5,0	0012345678910	0123456789
5	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD			9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
6	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
7	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD			10	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
8	20153072	Đỗ Mạnh Dũng	DH20CD			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
9	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
10	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
12	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD			10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
13	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
14	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD			9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
15	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
16	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03515

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **001_DH20TD_04**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD	<i>Hiệp</i>		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
18	20153079	Hoàng Trọng Hòa	DH20CD	<i>Hòa</i>		10	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
19	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD	<i>Hoài</i>		9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
20	20153082	Nguyễn Thanh Hôn	DH20CD	<i>Hôn</i>		9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
21	20153087	Hồ Gia Huy	DH20CD	<i>Huy</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
22	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD	<i>Huy</i>		9	7,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
23	20138090	Võ Tấn Huy	DH20TD	<i>Huy</i>		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
24	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	DH20TD	<i>Tuấn</i>		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
25	20138088	Phạm Duy Hưng	DH20TD	<i>Hưng</i>		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
26	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	DH20TD	<i>Quỳnh</i>		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
27	20138091	Nguyễn Đức Khải	DH20TD	<i>Khải</i>		8	7	1	3,5	0012345678910	0123456789
28	20138092	Trần Bá Khang	DH20TD	<i>Khang</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
29	20138093	Phan Quốc Khánh	DH20TD	<i>Khánh</i>		9	7,5	9	8,6	0012345678910	0123456789
30	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	DH20TD	<i>Hoàng</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
31	20153092	Nguyễn Em Hoàng	DH20CD	<i>Em Hoàng</i>		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
32	20138096	Ngô Tuấn Kiệt	DH20TD	<i>Kiệt</i>		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03515

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **001_DH20TD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20153094	Nguyễn Anh Kiệt	DH20CD			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
34	20138097	Võ Anh Kiệt	DH20TD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
35	20138098	Ngô Trần Thiên Kim	DH20TD			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3,5 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Võ Anh Kiệt

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **002_DH20TD_04**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138100	Nguyễn An Lạc	DH20TD	<i>An Lạc</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
2	20138101	Trần Quốc Lâm	DH20TD	<i>Quốc Lâm</i>		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
3	20138063	Trần Đức Lương	DH20TD	<i>Đức Lương</i>		9	7,5	5	6,2	0012345678910	0123456789
4	20138104	Bùi Phương Nam	DH20TD	<i>Phương Nam</i>		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	20138030	Phạm Vĩnh Nghi	DH20TD	<i>Vĩnh Nghi</i>		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
6	20138107	Tạ Thanh Nhã	DH20TD	<i>Thanh Nhã</i>		10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
7	20138106	Trương Hoàng Nhã	DH20TD	<i>Hoàng Nhã</i>		9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
8	20138108	Trần Nguyễn Trường Phi	DH20TD	<i>Trường Phi</i>		9	7,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	20138035	Lê Văn Phong	DH20TD	<i>Văn Phong</i>		9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
10	20138109	Phan Duy Phúc	DH20TD	<i>Duy Phúc</i>		9	7,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
11	20138111	Đoàn Thiên Phước	DH20TD	<i>Thiên Phước</i>		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
12	20138110	Đỗ Thiện Phước	DH20TD	<i>Thiện Phước</i>		9	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
13	20138112	Nguyễn Ngô Gia Phước	DH20TD	<i>Ngô Gia Phước</i>		8	7	5	5,9	0012345678910	0123456789
14	20138113	Phạm Đỗ Anh Phương	DH20TD	<i>Đỗ Anh Phương</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
15	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD	<i>Thế Quang</i>		9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
16	20138114	Đoàn Đình Quân	DH20TD	<i>Đình Quân</i>		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **002_DH20TD_04**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138115	Lê Hữu Đông	Quân	DH20TD		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
18	20138116	Phạm Đức	Quân	DH20TD		10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
19	20138117	Trần Ngọc	Quế	DH20TD		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	20138118	Vòng Phi	Quyên	DH20TD		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
21	20138120	Lê Đặng Tuấn	Sang	DH20TD		7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
22	20138122	Nguyễn Quốc	Tài	DH20TD		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	20138124	Võ Lê Từ	Tài	DH20TD		8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
24	20118251	Lê Nguyễn Văn	Thái	DH20CC						0012345678910	0123456789
25	20138128	Trần Hoài	Thanh	DH20TD		9	7,5	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
26	20138129	Phạm Đức	Thao	DH20TD		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	20138126	Lê Quang	Thắng	DH20TD		9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
28	20153124	Nhan Thanh	Thiên	DH20CD		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
29	20138131	Huỳnh Minh	Thuận	DH20TD		10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
30	20138132	Châu Ngọc	Tiến	DH20TD		9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
31	18127061	Nguyễn Văn	Tiến	DH18TD		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
32	20138134	Vũ Minh	Toàn	DH20TD		9	7,5	0	3,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **002_DH20TD_04**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138135	Đình Gia Triệu	DH20TD	Triệu		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
34	20138136	Nguyễn Thị Kiều	DH20TD	Nguyễn Thị Kiều		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
35	20138137	Huỳnh Lê Bảo	DH20TD	Trọng		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
36	20138049	Trần Ngọc	DH20TD	Trọng		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
37	20138138	Hoàng Văn	DH20TD	Trung		10	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
38	20138139	Nguyễn Công	DH20TD	Truyền		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
39	20138140	Nguyễn Xuân	DH20TD	Tú		10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
40	20138141	Phạm Anh	DH20TD	Tuấn		10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
41	20138142	Phạm Thanh	DH20TD	Tuấn		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
42	20138143	Cao Huỳnh Thanh	DH20TD	Tùng		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
43	20138144	Nguyễn Đăng	DH20TD	Văn		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
44	20138146	Bùi Quốc	DH20TD	Việt		10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
45	20138147	Lê Hà Bảo	DH20TD	Vinh		10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
46	20138148	Thái Doãn	DH20TD	Vinh		9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
47	20138149	Trần Quang	DH20TD	Vinh		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
48	20138060	Trần Thanh	DH20TD	Vững		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03516

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207152)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_04**

Tổ Thi **002_DH20TD_04**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD	Vy		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 48. Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

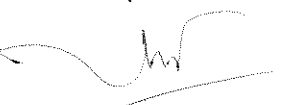
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phạm Duy Lam


Nguyễn Nam Cường


Trưởng Quang Hùng


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Truyền nhiệt(207433)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD205 803

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC				0,5	5,5	4,5	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC				4,0	6,5	6,0	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC				2,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC				4,5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC				3,0	4,5	4,2	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC				4,0	4,5	4,4	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC				2,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC				1,5	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC				2,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC				2,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC				0,5	5,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC				2,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC				2,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Truyền nhiệt(207433)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng 0

Ngày 6 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Klep

Hồ Văn Nghi

Bul

Nguyễn Hay

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 03551

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301 602

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh			5,5	3,3	4,2	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	U			8,5	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
3	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL	Ph			0	5,0	3,0	0012345678910	0123456789
4	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	U Chấn			5,5	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Ch			7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến			9,5	7,7	8,4	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cg			9,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cu			4,5	7,5	6,3	0012345678910	0123456789
9	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Ph			8,5	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
10	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	D			0	5,5	3,3	0012345678910	0123456789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Minh			7,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Th			4,8	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
13	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Ph			5,0	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
14	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	H			9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
15	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Ph			8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
16	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL	Ph			8,5	4,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03551

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301 6-2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL	Huy			9,5	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL		Vĩnh					0012345678910	0123456789
19	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL	Huy			7,5	8,5	5,1	0012345678910	0123456789
20	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL	Huy			5,5	10,0	8,2	0012345678910	0123456789
21	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL	Huy			0	5,0	3,0	0012345678910	0123456789
22	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL	Hung			8,0	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
23	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL	Huu			9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
24	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL	Khang			5,0	10,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL	Khang			7,7	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
26	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL	Khánh			7,8	4,2	5,6	0012345678910	0123456789
27	19137038	Phạm Đình Vĩnh	DH19NL	Vĩnh						0012345678910	0123456789
28	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL	Lộc			4,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789
29	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi			9,5	10,0	9,8	0012345678910	0123456789
30	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam			5,0	3,7	4,2	0012345678910	0123456789
31	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL	Ngoan			6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
32	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL	Ngọc						0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03551

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301 682

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL	Nguyễn			7,7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
34	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL	Vĩnh						0012345678910	0123456789
35	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	nhật			5,5	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
36	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL	phat			6,5	3,0	8,0	0012345678910	0123456789
37	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL	PHI			8,7	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
38	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL	Quang			9,5	7,4	8,2	0012345678910	0123456789
39	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	Quân			0	4,0	2,4	0012345678910	0123456789
40	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL	Quý			8,5	9,8	9,3	0012345678910	0123456789
41	19137055	Nguyễn Thị Yên Quyên	DH19NL	Yên			9,0	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
42	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL	Sang			9,0	1,0	4,2	0012345678910	0123456789
43	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL	Sơn			7,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
44	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL	Tài			2,7	3,2	3,0	0012345678910	0123456789
45	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL	Tài			7,0	2,1	4,0	0012345678910	0123456789
46	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL	Tài			7,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
47	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL	Tân			9,0	7,6	7,4	0012345678910	0123456789
48	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL	Tân			5,5	2,4	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03551

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301 002

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL				7,3	8,0	4,8	0012345678910	0123456789
50	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC				0	4,5	2,7	0012345678910	0123456789
51	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL				6,0	4,7	5,2	0012345678910	0123456789
52	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL				6	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
53	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL				8,8	5,7	7,0	0012345678910	0123456789
54	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL				0	5,8	3,5	0012345678910	0123456789
55	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL				7,5	6,3	6,8	0012345678910	0123456789
56	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC		Vắng					0012345678910	0123456789
57	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL		Vắng					0012345678910	0123456789
58	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL				8,0	6,7	7,2	0012345678910	0123456789
59	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL				8,0	19,0	9,2	0012345678910	0123456789
60	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL				7,0	6,6	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03551

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi 001_DH19NL_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 / Số sinh viên vắng 0....

Ngày 6 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

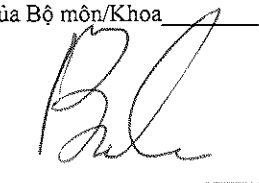
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

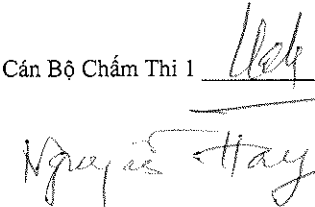
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N. V. Kiệp


Lê Văn Thuận


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Nguyễn Hay



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
4	19138005	Lê Thái Hoàng An Cát	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
5	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
6	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			8	7,5	4	5,5	0012345678910	0123456789
7	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			9	9	6	7,2	0012345678910	0123456789
8	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
9	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
10	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
11	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD			10	7	8	7,9	0012345678910	0123456789
12	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			9	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
13	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
14	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
15	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			10	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
16	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
18	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
19	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
20	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
21	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			9	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
22	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
23	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
24	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
25	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
26	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
27	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			9	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
28	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
29	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			10	7,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
30	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
31	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
32	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD	Vắng						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			9	7,5	6	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD	Vắng						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			5	8	6	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			10	7,5	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			10	9	6	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			10	9	8	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			10	8	8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			10	9	8	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			9	7,5	6	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			9	8	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19153049	Võ Văn Nhật	DH19CD			10	7,5	8	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			10	7,5	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			10	8	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
50	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
51	19138059	Nguyễn Thành Phâm	DH19TD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
52	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
53	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
54	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
55	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			10	9	6	7,3	0012345678910	0123456789
56	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			10	9	6	7,3	0012345678910	0123456789
57	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
58	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
59	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
60	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			10	8,5	6	7,2	0012345678910	0123456789
61	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			10	8	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
62	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
63	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			10	9	6	7,3	0012345678910	0123456789
64	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			10	7,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
66	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
67	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
68	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
69	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			8	8,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
70	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
71	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			10	7,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
72	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
73	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			10	9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
74	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			5	7	5	5,6	0012345678910	0123456789
75	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
76	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
77	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
78	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
79	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
80	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			10	8	6	70	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Cao Đức Lợi



Mã nhận dạng 02894

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
3	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
4	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
5	19138014	Bùi Quang Tấn Duy	DH19TD			8	7,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
7	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
8	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
9	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
10	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
11	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
12	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
13	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
14	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
15	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
16	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 70%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138024	Võ Ngọc HÒi	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
18	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
19	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
20	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
21	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
22	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
23	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
24	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
25	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
26	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD			6	0	0	0,6	0012345678910	0123456789
27	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD			9	0	0	0,9	0012345678910	0123456789
28	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			9	4	4	4,5	0012345678910	0123456789
29	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
30	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
31	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
32	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
34	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
35	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
36	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			9	4	4	4,15	0012345678910	0123456789
37	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
38	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
39	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
40	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
41	19138059	Nguyễn Thành Phàm	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
42	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
43	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
44	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
45	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
46	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			8	7,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
47	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
48	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
50	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
51	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
52	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
53	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
54	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
55	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
56	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			9	4	4	4,5	0012345678910	0123456789
57	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			9	9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
58	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			9	4	4	4,5	0012345678910	0123456789
59	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
60	19138083	Nguyễn Thế Trần	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
61	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
62	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
63	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
64	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			9	75	75	77	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

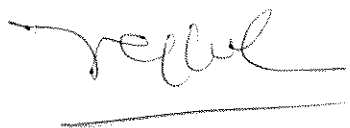
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Võ Ngọc Thạch


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Võ Ngọc Thạch


Cao Đức Lợi



Mã nhận dạng 03552

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			9	7	8,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			10	4	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			8	6	3	4,4	0012345678910	0123456789
4	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			9	7	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
5	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD	Vắng						0012345678910	0123456789
6	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			9	5,5	8	7,4	0012345678910	0123456789
7	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
8	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			9	4,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	19138016	Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	DH19TD			9	7	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			9	3,5	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
11	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			9	7	6	6,6	0012345678910	0123456789
12	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			9	9,5	10	9,8	0012345678910	0123456789
13	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			9	10	9	9,3	0012345678910	0123456789
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			8	7,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			9	7,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			9	6	4,5	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03552

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153027	Hán Tấn	Hiếu	DH16CD		9	6	6	6,3	0012345678910	0123456789
18	19138022	Nguyễn Minh	Hoàng	DH19TD		9	0	0,5	1,2	0012345678910	0123456789
19	19138023	Nguyễn Minh	Hoàng	DH19TD		9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
20	19138024	Võ Ngọc	Hội	DH19TD		9	7,5	4	5,6	0012345678910	0123456789
21	17138022	Trần Minh	Huân	DH17TD		10	7	5	6,1	0012345678910	0123456789
22	19138025	Hoàng Phi	Hùng	DH19TD		9	6,5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	19138027	Bùi Huỳnh Song	Huy	DH19TD		9	3,5	0	2,0	0012345678910	0123456789
24	19138028	Nguyễn Văn	Huy	DH19TD		9	5,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
25	19138026	Nguyễn Viết	Hung	DH19TD		9	7,5	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
26	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD		9	4	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
27	19138032	Nguyễn Đình	Khang	DH19TD		9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
28	19138034	Nguyễn Lê Hữu	Khang	DH19TD		9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
29	19138036	Lê Duy	Khánh	DH19TD						0012345678910	0123456789
30	19138038	Bùi Đăng	Khoa	DH19TD		9	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
31	19138040	Nguyễn Ngọc	Khoa	DH19TD						0012345678910	0123456789
32	19138041	Nguyễn Trung	Kiên	DH19TD		5	6	0	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03552

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD	Kỳ		9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
34	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			9	6	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
35	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			9	7	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
36	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			9	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
37	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			9	5,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
38	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			9	6,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
39	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			9	6	5	5,7	0012345678910	0123456789
40	19138051	Nguyễn Trọng	DH19TD			8	7,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
41	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD	Vĩnh						0012345678910	0123456789
42	19153049	Võ Văn Nhật	DH19CD			9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
43	19138054	Đoàn Lê Quang	DH19TD			9	5	4	4,8	0012345678910	0123456789
44	19138055	Trần Đình Nhon	DH19TD			10	7,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
45	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			9	5	0	2,4	0012345678910	0123456789
46	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			9	9,5	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
47	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD			10	9	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
48	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			9	6	4	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03552

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Xữ lý tín hiệu số(207525)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 42%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			8	6,5	2	4,0	0012345678910	0123456789
50	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			9	6	5	5,7	0012345678910	0123456789
51	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
52	19138066	Mai Văn Quyển	DH19TD			10	6	10	8,8	0012345678910	0123456789
53	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			9	6,5	10	8,9	0012345678910	0123456789
54	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
55	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			9	7,5	5	6,2	0012345678910	0123456789
56	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			9	5,5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
57	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			9	6,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
58	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			9	7,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
59	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			7	5,5	2	3,6	0012345678910	0123456789
60	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			9	8	7	5,1	0012345678910	0123456789
61	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			9	6,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
62	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
63	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			8	5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
64	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			9	9,5	7	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03552

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Xữ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			9	6	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
66	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD	Văn						0012345678910	0123456789
67	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD			9	8	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
68	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD	Văn						0012345678910	0123456789
69	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			9	7	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
70	19138083	Nguyễn Thế Trần	DH19TD			9	7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
71	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			9	8	4,5	3,6	0012345678910	0123456789
72	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			8	3	5	4,8	0012345678910	0123456789
73	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			9	9,5	5	6,8	0012345678910	0123456789
74	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			9	8	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
75	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 06/06/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			8.5	6.5	5.6	6.2	0012345678910	0123456789
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			8.5	6.5	6.4	6.6	0012345678910	0123456789
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			9.5	7.5	5.8	6.7	0012345678910	0123456789
4	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK		✓	5.0	0	0	0.5	0012345678910	0123456789
5	18118023	Nguyễn Tấn Diện	DH18CK			10	8.5	5.4	6.8	0012345678910	0123456789
6	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			8.5	6.5	5.6	6.2	0012345678910	0123456789
7	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			9.0	9.0	4.8	6.5	0012345678910	0123456789
8	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			9.5	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789
9	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT			9.5	9.0	7.0	7.9	0012345678910	0123456789
10	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			10	8.0	6.8	7.5	0012345678910	0123456789
11	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			9.5	7.5	6.4	7.0	0012345678910	0123456789
12	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		✓	5.0	5.0	0	2.0	0012345678910	0123456789
13	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			9.5	8.5	7.2	7.8	0012345678910	0123456789
14	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			9.0	9.0	7.6	8.2	0012345678910	0123456789
15	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			9.5	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
16	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			9.5	8.5	4.6	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD		✓	7.0	9.0	0	3.4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18118044	Tổng An	DH18CK	<i>Tổng An</i>		9.5	8.5	6.2	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	DH19OT	<i>Nguyễn Ngô Nhật</i>		9.0	7.5	5.2	6.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18118049	Nguyễn Thành	DH18CK	<i>Nguyễn Thành</i>		9.5	8.5	6.0	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154060	Trần Quang	DH19OT	<i>Trần Quang</i>		9.5	7.5	6.8	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154062	Trần Quốc	DH19OT	<i>Trần Quốc</i>		9.5	8.5	7.2	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154064	Huỳnh Quang	DH19OT	<i>Huỳnh Quang</i>		10	8.5	5.8	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154065	Diệp Vi	DH19OT	<i>Diệp Vi</i>		9.0	7.5	6.2	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18118055	Lê Minh	DH18CK	<i>Lê Minh</i>		10	7.0	5.6	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19153030	Nguyễn Duy	DH19CD	<i>Nguyễn Duy</i>		8.0	9.0	5.4	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19154069	Phạm Đỗ Bảo	DH19OT		✓	9.5	8.5	0	3.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19154074	Trần Công	DH19OT	<i>Trần Công</i>		9.5	8.5	6.4	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19154077	Trương Đăng	DH19OT	<i>Trương Đăng</i>		9.5	8.5	7.2	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19154078	Đoàn Thế	DH19OT	<i>Đoàn Thế</i>		9.0	9.0	6.4	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19154079	Hồ Tuấn	DH19OT	<i>Hồ Tuấn</i>		8.0	9.0	5.4	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19154081	Trương Bảo	DH19OT		✓	5.0	0	0	0.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Nguyễn Duy Anh



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Duy Anh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	<i>Long</i>		9.0	7.0	6.4	6.8	0012345678910	0123456789
34	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>Long</i>		9.5	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789
35	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>		8.5	6.5	4.6	5.6	0012345678910	0123456789
36	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD	<i>Thương</i>		9.0	7.5	5.2	6.3	0012345678910	0123456789
37	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		8.5	6.5	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
38	19118146	Thạch	DH19CC	<i>Thạch</i>		10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
39	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	<i>Minh</i>		8.0	8.0	5.8	6.7	0012345678910	0123456789
40	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD	<i>Nam</i>		9.0	9.0	4.4	6.2	0012345678910	0123456789
41	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	<i>Nguyên</i>		9.5	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
42	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD	<i>Nhất</i>		9.0	9.0	5.4	6.8	0012345678910	0123456789
43	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK	<i>Phi</i>		9.5	8.5	6.4	7.3	0012345678910	0123456789
44	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD	<i>Phú</i>		9.5	7.5	5.6	6.6	0012345678910	0123456789
45	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD	<i>Phúc</i>		8.0	9.0	6.4	7.3	0012345678910	0123456789
46	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	<i>Phúc</i>		10	7.0	4.6	5.9	0012345678910	0123456789
47	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	<i>Phước</i>		9.5	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
48	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK	<i>Quang</i>		9.5	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789

Nguyễn Duy Anh



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			9.5	8.0	6.2	7.1	0012345678910	0123456789
50	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			9.5	8.0	4.2	5.9	0012345678910	0123456789
51	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			10	8.5	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
52	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			8.0	9.0	5.2	6.6	0012345678910	0123456789
53	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			8.0	9.0	5.8	7.0	0012345678910	0123456789
54	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT			10	8.5	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
55	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			9.0	9.0	6.8	7.7	0012345678910	0123456789
56	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT			10	8.5	6.8	7.6	0012345678910	0123456789
57	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			10	8.5	6.2	7.3	0012345678910	0123456789
58	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			10	7.5	6.2	7.0	0012345678910	0123456789
59	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			10	7.0	3.8	5.4	0012345678910	0123456789
60	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			9.5	7.5	5.6	6.6	0012345678910	0123456789
61	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			10	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789
62	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			8.5	8.0	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
63	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD			8.0	8.0	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
64	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT			10	9.0	6.8	7.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Duy Anh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			9.0	9.0	6.8	7.7	0012345678910	0123456789
66	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			10	8.5	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
67	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			9.5	7.0	5.6	6.4	0012345678910	0123456789
68	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			8.5	7.5	5.6	6.5	0012345678910	0123456789
69	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			9.5	9.0	4.2	6.2	0012345678910	0123456789
70	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			10	9.0	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
71	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			9.0	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
72	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			9.0	8.5	5.2	6.6	0012345678910	0123456789
73	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			9.5	9.0	6.4	7.5	0012345678910	0123456789
74	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			10	9.0	5.4	6.9	0012345678910	0123456789
75	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
76	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			9.5	8.0	5.2	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ...**71** Số sinh viên vắng ...**5**..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

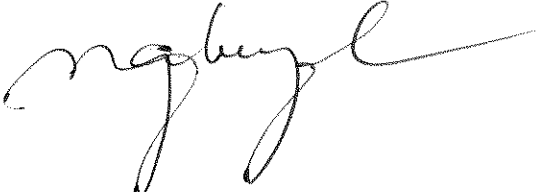
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


Nguyễn Nhật Long


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Nguyễn Duy Anh

CBCT 3.

Hạnh

Bùi Công Hạnh



Mã nhận dạng 03556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			10	8.0	5.6	6.8	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			9.5	8.5	6.8	7.6	0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			9.5	9.0	5.2	6.8	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9.5	9.0	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			10	8.5	8.4	8.6	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			8.5	8.0	5.8	6.7	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			8.5	8.0	2.8	4.9	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			9.5	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
9	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			9.5	8.5	6.8	7.6	0012345678910	0123456789
10	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			9.5	9.0	6.6	7.6	0012345678910	0123456789
11	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			7.5	8.0	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
12	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			9.0	8.5	6.2	7.2	0012345678910	0123456789
13	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10	9.0	6.8	7.8	0012345678910	0123456789
14	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			10	9.6	7.4	8.1	0012345678910	0123456789
15	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			9.5	8.0	6.2	7.1	0012345678910	0123456789
16	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			10	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			9.5	8.0	5.8	6.8	0012345678910	0123456789
18	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD		V	5.0	0	0	0.5	0012345678910	0123456789
19	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			10	10	4.8	6.9	0012345678910	0123456789
20	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			9.5	9.5	6.2	7.5	0012345678910	0123456789
21	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			10	10	6.8	8.1	0012345678910	0123456789
22	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			8.0	9.0	6.8	7.6	0012345678910	0123456789
23	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			8.0	9.0	7.2	7.8	0012345678910	0123456789
24	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			9.5	9.0	5.8	7.1	0012345678910	0123456789
25	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			9.5	8.0	6.4	7.2	0012345678910	0123456789
26	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			9.5	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
27	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			10	9.5	5.6	7.2	0012345678910	0123456789
28	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			10	9.5	6.6	7.8	0012345678910	0123456789
29	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			10	9.5	5.2	7.0	0012345678910	0123456789
30	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			10	9.5	6.4	7.7	0012345678910	0123456789
31	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			10	9.0	6.8	7.8	0012345678910	0123456789
32	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			9.5	9.0	7.6	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			9.0	9.0	5.6	7.0	0012345678910	0123456789
34	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
35	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			10	10	7.2	8.3	0012345678910	0123456789
36	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
37	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			9.5	9.0	7.8	8.3	0012345678910	0123456789
38	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			10	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
39	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			10	9.5	7.6	8.4	0012345678910	0123456789
40	18118137	Nguyễn Hoàng Thê	DH18CC			9.5	8.0	7.6	7.9	0012345678910	0123456789
41	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			10	8.5	7.6	8.1	0012345678910	0123456789
42	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			9.0	9.0	8.4	8.6	0012345678910	0123456789
43	20154221	Nguyễn Thanh Thiện	DH20OT			9.5	8.5	5.4	6.7	0012345678910	0123456789
44	20154222	Phan Hữu Thiện	DH20OT			9.0	8.5	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
45	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			10	10	5.0	7.0	0012345678910	0123456789
46	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC		✓	5.0	0	0	0.5	0012345678910	0123456789
47	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			9.5	8.0	5.8	6.8	0012345678910	0123456789
48	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			9.5	8.5	5.8	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			8.0	9.0	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
50	18137047	Hồ Nguyễn Phi Trường	DH18NL			10	10	4.8	6.9	0012345678910	0123456789
51	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			10	9.5	6.4	7.7	0012345678910	0123456789
52	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			10	9.5	7.0	8.1	0012345678910	0123456789
53	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			9.5	9.5	5.0	6.8	0012345678910	0123456789
54	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			9.5	8.5	5.2	6.6	0012345678910	0123456789
55	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC			10	9.5	5.6	7.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Duy Anh

Ngày in : 06/06/2022



Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_04**

Tổ Thi **001_DH18OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			9.5	8.0	6.6	7.3	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			10	9.0	7.4	8.1	0012345678910	0123456789
3	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			9.0	8.0	5.2	6.4	0012345678910	0123456789
4	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			10	8.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			8.0	8.0	5.6	6.6	0012345678910	0123456789
6	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			10	7.5	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
7	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			10	9.0	6.8	7.8	0012345678910	0123456789
8	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			7.5	8.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
9	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			10	8.0	7.8	8.1	0012345678910	0123456789
10	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
11	20153072	Đỗ Mạnh Dũng	DH20CD			10	9.0	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
12	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			10	8.0	7.2	7.7	0012345678910	0123456789
13	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			7.5	8.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
14	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			8.5	8.0	4.6	6.0	0012345678910	0123456789
15	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			8.5	7.5	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
16	20153065	Nguyễn Thành Đạt	DH20CD			8.5	7.5	5.6	6.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật hệ thống(207547)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi 001_DH18OT_04

Tên CBGD Nguyễn Duy Anh

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			10	9.0	8.2	8.6	0012345678910	0123456789
18	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			10	7.5	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
19	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD			10	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
20	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT		Vắng	5.0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
21	19154048	Trần Hòa	DH19OT			9.0	8.0	8.0	8.1	0012345678910	0123456789
22	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			8.0	8.0	5.8	6.7	0012345678910	0123456789
23	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			9.5	9.0	6.6	7.6	0012345678910	0123456789
24	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
25	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT			9.5	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
26	18154048	Phạm Trần Gia	DH18OT			9.5	8.5	6.2	7.2	0012345678910	0123456789
27	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			10	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789
28	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
29	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			8.0	8.0	6.2	6.9	0012345678910	0123456789
30	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			10	9.0	7.2	8.0	0012345678910	0123456789
31	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			10	9.0	6.6	7.7	0012345678910	0123456789
32	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			8.0	7.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_04**

Tổ Thi **001_DH18OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT	<i>Khánh</i>		9.5	8.0	6.2	7.1	0012345678910	0123456789
34	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD	<i>K</i>		10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
35	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT	<i>Kiên</i>		9.5	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
36	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT	<i>Tuấn</i>		9.0	7.5	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
37	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT	<i>Lâm</i>		9.5	8.0	7.8	8.0	0012345678910	0123456789
38	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT	<i>Lâm</i>		8.5	7.5	6.0	6.7	0012345678910	0123456789
39	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT	<i>Lâm</i>		9.5	7.5	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
40	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK	<i>Liêm</i>		9.5	8.0	7.2	7.7	0012345678910	0123456789
41	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD	<i>Quyền</i>		9.5	7.5	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
42	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT	<i>Linh</i>		10	8.0	4.6	6.2	0012345678910	0123456789
43	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD	<i>Long</i>		10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
44	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT	<i>Long</i>		10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
45	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT	<i>Kim</i>		10	9.0	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
46	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT	<i>Trịnh</i>		9.5	8.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
47	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT	<i>Lộc</i>		9.0	8.0	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
48	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD	<i>Phước</i>		10	9.0	7.8	8.4	0012345678910	0123456789

Nguyễn Duy Anh

Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_04**

Tổ Thi **001_DH18OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			10	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
50	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			8.5	7.5	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
51	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			10	9.0	7.0	7.9	0012345678910	0123456789
52	18154077	Nguyễn Thanh Nghiê	DH18OT			10	9.0	7.0	7.9	0012345678910	0123456789
53	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
54	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			8.5	7.5	6.4	6.9	0012345678910	0123456789
55	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			9.0	9.0	7.2	7.9	0012345678910	0123456789
56	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			10	8.0	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
57	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			9.0	7.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
58	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			9.0	8.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
59	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			9.5	8.5	6.6	7.5	0012345678910	0123456789
60	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			9.0	8.0	6.8	7.4	0012345678910	0123456789
61	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			10	8.5	7.2	7.9	0012345678910	0123456789
62	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			10	9.0	8.4	8.7	0012345678910	0123456789
63	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			10	9.0	7.4	8.1	0012345678910	0123456789
64	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			10	8.5	8.0	8.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Kỹ thuật hệ thống(207547)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_04

Tổ Thi

001_DH18OT_04

Tên CBGD

Nguyễn Duy Anh

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT	<i>Lưu</i>		10	9.0	7.4	8.1	0012345678910	0123456789
66	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT	<i>Nguyễn Đình Quyết</i>		9.0	8.5	5.4	6.7	0012345678910	0123456789
67	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT	<i>Đình Hoàng Sơn</i>		10	8.5	4.8	6.4	0012345678910	0123456789
68	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT	<i>Lê Hoàng Sơn</i>		8.5	8.5	5.4	6.6	0012345678910	0123456789
69	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT	<i>Nguyễn Hữu Sum</i>		9.0	9.0	4.0	6.0	0012345678910	0123456789
70	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD	<i>Trương Văn Thái</i>		7.0	7.5	5.4	6.2	0012345678910	0123456789
71	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK	<i>Lê Ngọc Thanh</i>		8.5	8.5	4.2	5.9	0012345678910	0123456789
72	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT	<i>Phạm Minh Thành</i>		9.0	8.0	6.4	7.1	0012345678910	0123456789
73	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT	<i>Đoàn Văn Thìn</i>	Vắng	5.0	0	0	0	0012345678910	0123456789
74	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT	<i>Huỳnh Minh Thịnh</i>		9.5	7.5	5.2	6.3	0012345678910	0123456789
75	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD	<i>Nguyễn Hưng Thịnh</i>		9.5	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
76	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD	<i>Nguyễn Hữu Thọ</i>		9.0	7.5	6.4	7.0	0012345678910	0123456789
77	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT	<i>Giang Đại Thuận</i>		10	8.5	5.8	7.0	0012345678910	0123456789
78	18154123	Trương Văn Thực	DH18OT	<i>Trương Văn Thực</i>		10	8.0	4.6	6.2	0012345678910	0123456789
79	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT	<i>Nguyễn Hữu Tín</i>		10	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
80	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT	<i>Nguyễn Tài Tuệ</i>		9.0	7.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789

Nguyễn Duy Anh



Mã nhận dạng 03557

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_04**

Tổ Thi **001_DH18OT_04**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV102**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	19132020	Đoàn Thế Vinh	DH19TD		Vắng	5.0	0	0	0.5	● ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
82	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD	V		10	7.5	7.6	7.8	○ ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi 78 Số sinh viên vắng ...A...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Phan Trọng Nghĩa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Duy Anh



Mã nhận dạng 03558

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **001_DH20TD_06**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			10	10	5.4	7.2	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			10	7.5	4.8	6.1	0012345678910	0123456789
3	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD			10	8.0	5.6	6.8	0012345678910	0123456789
4	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD			10	7.0	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
5	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			10	9.0	5.2	6.8	0012345678910	0123456789
6	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD			9.5	8.0	3.8	5.6	0012345678910	0123456789
7	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD			10	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
8	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			9.5	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
9	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD			9.5	8.0	5.6	6.7	0012345678910	0123456789
10	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			10	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
11	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD			10	9.0	6.8	7.8	0012345678910	0123456789
12	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			10	10	5.8	7.5	0012345678910	0123456789
13	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			10	10	6.8	8.1	0012345678910	0123456789
14	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD			9.0	8.0	7.2	7.6	0012345678910	0123456789
15	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			9.5	7.5	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
16	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			8.0	6.5	3.0	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03558

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **001_DH20TD_06**

Tên CBGD

Nguyễn Duy Anh

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			10	10	7.4	8.4	0012345678910	0123456789
18	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			10	7.5	8.6	8.4	0012345678910	0123456789
19	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD			10	8.0	4.2	6.2	0012345678910	0123456789
20	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD			9.5	7.0	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
21	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD			10	8.0	3.4	5.4	0012345678910	0123456789
22	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD			10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
23	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			10	8.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
24	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			9.0	7.5	5.4	6.4	0012345678910	0123456789
25	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			10	8.0	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
26	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			9.0	8.5	6.8	7.5	0012345678910	0123456789
27	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			10	9.0	5.0	6.7	0012345678910	0123456789
28	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD			10	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
29	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD			9.0	7.0	5.4	6.2	0012345678910	0123456789
30	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD			8.0	8.0	4.6	6.0	0012345678910	0123456789
31	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD			9.0	8.0	5.4	6.5	0012345678910	0123456789
32	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD			8.5	8.0	3.8	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03558

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **001_DH20TD_06**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			8.0	6.5	5.8	6.2	0012345678910	0123456789
34	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD			9.0	8.5	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
35	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			10	7.5	6.4	7.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **35** Số sinh viên vắng **0**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường

Lưu Thanh Thiêm

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Duy Anh



Mã nhận dạng 03560

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **003_DH20TD_06**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138124	Võ Lê Tứ Tài	DH20TD			9.0	7.0	5.2	6.1	0012345678910	0123456789
2	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			10	9.0	7.0	7.9	0012345678910	0123456789
3	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			10	8.0	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
4	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			8.0	6.5	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
5	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			10	8.5	4.0	6.0	0012345678910	0123456789
6	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD			7.5	7.0	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
7	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			10	9.0	6.4	7.5	0012345678910	0123456789
8	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			10	8.5	5.4	6.8	0012345678910	0123456789
9	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD			8.0	7.0	4.2	5.4	0012345678910	0123456789
10	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD			10	8.5	5.8	7.0	0012345678910	0123456789
11	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			10	8.0	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
12	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			10	8.5	5.4	6.8	0012345678910	0123456789
13	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD			10	8.5	6.0	7.2	0012345678910	0123456789
14	19153080	Kiều Thụy	DH19CD			10	8.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
15	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD			10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789
16	20138132	Châu Ngọc Tiến	DH20TD			8.5	8.5	5.2	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03560

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **003_DH20TD_06**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153082	Nguyễn Công Quyết	Tiến	Tiến		9.0	7.5	4.4	5.8	0012345678910	0123456789
18	20138133	Trần Đức	Toàn	Trần		10	7.0	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
19	20138134	Vũ Minh	Toàn	Vũ		10	8.5	4.6	6.3	0012345678910	0123456789
20	20138135	Đình Gia	Triệu	Đình		9.0	8.5	4.0	5.9	0012345678910	0123456789
21	20138136	Nguyễn Thị Kiều	Trình	Nguyễn		10	9.0	6.2	7.4	0012345678910	0123456789
22	19153086	Tạ Thị Ngọc	Trình	Tạ		10	8.5	7.4	8.0	0012345678910	0123456789
23	20138137	Huỳnh Lê Bảo	Trọng	Huỳnh		9.5	8.0	4.2	5.9	0012345678910	0123456789
24	20138049	Trần Ngọc	Trọng	Trần		10	7.0	5.2	6.2	0012345678910	0123456789
25	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	Đặng		8.0	7.0	5.8	6.4	0012345678910	0123456789
26	20138138	Hoàng Văn	Trung	Hoàng		10	8.0	5.2	6.5	0012345678910	0123456789
27	20138139	Nguyễn Công	Truyền	Nguyễn		10	7.5	4.4	5.9	0012345678910	0123456789
28	19153088	Nguyễn Công	Trường	Nguyễn		10	8.0	6.0	7.0	0012345678910	0123456789
29	20138140	Nguyễn Xuân	Tú	Nguyễn		10	8.0	5.4	6.6	0012345678910	0123456789
30	20138141	Phạm Anh	Tuấn	Phạm		8.0	7.0	4.8	5.8	0012345678910	0123456789
31	20138142	Phạm Thanh	Tuấn	Phạm		10	7.5	7.4	7.7	0012345678910	0123456789
32	20138143	Cao Huỳnh Thanh	Tùng	Cao		10	8.0	5.8	6.9	0012345678910	0123456789

nguyenduyanh



Mã nhận dạng 03560

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20TD_06**

Tổ Thi **003_DH20TD_06**

Tên CBGD **Nguyễn Duy Anh**

Ngày Thi **06/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138144	Nguyễn Đăng Văn	DH20TD			10	8.0	4.6	6.2	0012345678910	0123456789
34	20138146	Bùi Quốc Việt	DH20TD			10	8.5	7.6	8.1	0012345678910	0123456789
35	20138147	Lê Hà Bảo Vinh	DH20TD			8.5	8.0	3.8	5.5	0012345678910	0123456789
36	20138148	Thái Doãn Vinh	DH20TD			8.0	7.0	4.4	5.5	0012345678910	0123456789
37	20138149	Trần Quang Vinh	DH20TD			10	8.5	5.6	6.9	0012345678910	0123456789
38	20138060	Trần Thanh Vững	DH20TD			9.5	7.0	6.4	6.9	0012345678910	0123456789
39	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD			10	8.0	8.0	8.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 39. Số sinh viên vắng0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

C. Đức L.

Nguyễn Thanh Vy

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Duy Anh

Ngày in : 06/06/2022



Mã nhận dạng 03561

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Mạch điện tử(207548)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD			10	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
2	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
3	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
4	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
5	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD			10	7,5	3	5,1	0012345678910	0123456789
6	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD			10	7,5	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
7	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD			10	8	10	9,4	0012345678910	0123456789
8	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD			9	7	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
9	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD			10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
10	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
11	20138078	Phan Châu Thành	DH20TD			10	8	0	3,4	0012345678910	0123456789
12	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD			10	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
14	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD			10	7	7	7,6	0012345678910	0123456789
15	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD			10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
16	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD			10	7	4,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03561

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Mạch điện tử(207548)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD	<i>Hoài</i>		9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
18	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD	<i>Huy</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
19	20138090	Võ Tấn Huy	DH20TD	<i>Hoàng Huy</i>		10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
20	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	DH20TD	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>		9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
21	20138088	Phạm Duy Hưng	DH20TD	<i>Phạm Duy Hưng</i>		10	7,5	6	6,9	0012345678910	0123456789
22	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh Hương	DH20TD	<i>Hương</i>		9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
23	20138091	Nguyễn Đức Khải	DH20TD	<i>Khải</i>		10	7	2	4,3	0012345678910	0123456789
24	20138092	Trần Bá Khang	DH20TD	<i>Khang</i>		9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
25	20138093	Phan Quốc Khánh	DH20TD	<i>Khánh</i>		9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
26	20138095	Nguyễn Anh Hoàng Khoa	DH20TD	<i>Khoa</i>		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
27	20138096	Ngô Tuấn Kiệt	DH20TD	<i>Kiệt</i>		10	7	2	4,5	0012345678910	0123456789
28	20138097	Võ Anh Kiệt	DH20TD	<i>Kiệt</i>		10	7	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
29	20138098	Ngô Trần Thiên Kim	DH20TD	<i>Thiên Kim</i>		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
30	20138100	Nguyễn An Lạc	DH20TD	<i>Lạc</i>		10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
31	20138101	Trần Quốc Lâm	DH20TD	<i>Lâm</i>		10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
32	20138063	Trần Đức Lương	DH20TD	<i>Lương</i>		10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03561

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Mạch điện tử(207548)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138104	Bùi Phương Nam	DH20TD	<i>Nam</i>		10	7,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
34	20138030	Phạm Vĩnh Nghị	DH20TD	<i>Vĩnh</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
35	20138107	Tạ Thanh Nhã	DH20TD	<i>Nhã</i>		10	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
36	20138106	Trương Hoàng Nhã	DH20TD	<i>Nhã</i>		10	7,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
37	20138108	Trần Nguyễn Trường Phi	DH20TD	<i>Phi</i>		10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
38	20138035	Lê Văn Phong	DH20TD	<i>Phong</i>		10	7,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
39	20138109	Phan Duy Phúc	DH20TD	<i>Phúc</i>		9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
40	20138111	Đoàn Thiên Phước	DH20TD	<i>Phước</i>		10	7,5	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
41	20138110	Đỗ Thiện Phước	DH20TD	<i>Phước</i>		10	7	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
42	20138112	Nguyễn Ngô Gia Phước	DH20TD	<i>Phước</i>		9	7,5	2	4,4	0012345678910	0123456789
43	20138113	Phạm Đỗ Anh Phương	DH20TD	<i>Phước</i>		10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
44	20138114	Đoàn Đình Quân	DH20TD	<i>Quân</i>		10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
45	20138115	Lê Hữu Đông Quân	DH20TD	<i>Quân</i>		10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
46	20138116	Phạm Đức Quân	DH20TD	<i>Quân</i>		10	7	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
47	20138117	Trần Ngọc Quế	DH20TD	<i>Quế</i>		10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
48	20138118	Vòng Phi Quyền	DH20TD	<i>Quyền</i>		9	7	4	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03561

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Mạch điện tử(207548)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20138120	Lê Đăng Tuấn Sang	DH20TD			6	7,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
50	20138122	Nguyễn Quốc Tài	DH20TD			10	7,5	2	4,5	0012345678910	0123456789
51	20138124	Võ Lê Tứ Tài	DH20TD			10	7	2	4,3	0012345678910	0123456789
52	20138127	Lê Văn Thanh	DH20TD		Vĩnh					0012345678910	0123456789
53	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
54	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD			10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
55	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
56	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD			10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
57	20138132	Châu Ngọc Tiến	DH20TD			10	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
58	20138134	Vũ Minh Toàn	DH20TD			10	7	2	4,3	0012345678910	0123456789
59	20138135	Đinh Gia Triệu	DH20TD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
60	20138136	Nguyễn Thị Kiều Trinh	DH20TD			10	7	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
61	20138137	Huỳnh Lê Bảo Trọng	DH20TD			10	7,5	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
62	20138049	Trần Ngọc Trọng	DH20TD			10	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
63	20138138	Hoàng Văn Trung	DH20TD			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
64	20138139	Nguyễn Công Truyền	DH20TD			10	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03561

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Mạch điện tử(207548)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20TD_01

Tổ Thi 001_DH20TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20138140	Nguyễn Xuân Tú	DH20TD			10	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
66	20138141	Phạm Anh Tuấn	DH20TD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
67	20138142	Phạm Thanh Tuấn	DH20TD			10	7	2	4,6	0012345678910	0123456789
68	20138143	Cao Huỳnh Thanh Tùng	DH20TD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
69	20138144	Nguyễn Đăng Văn	DH20TD			10	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
70	20138146	Bùi Quốc Việt	DH20TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
71	20138147	Lê Hà Bảo Vinh	DH20TD			10	7,5	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
72	20138148	Thái Doãn Vinh	DH20TD			9	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
73	20138149	Trần Quang Vinh	DH20TD			10	7	3	4,9	0012345678910	0123456789
74	20138060	Trần Thanh Vững	DH20TD			10	7	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
75	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 74/Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 06/06/2022

N.V.N. Thạch

N.v.v. Kiệp

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ng. Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
2	19153001	Trần Phước An	DH19CD			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
3	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
5	20118138	Nguyễn Tuấn Diệu	DH20CC							0012345678910	0123456789
6	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			9	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
7	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
8	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			8	8	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
9	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			9	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
10	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
11	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			9	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
12	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
14	19153010	Nguyễn Ngọc Duy	DH19CD			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
15	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			9	9	10	9,6	0012345678910	0123456789
16	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			9	9	10	9,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
18	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK							0012345678910	0123456789
19	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			9	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
21	20118156	Đặng Chánh Hậu	DH20CC			6	7	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
22	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
23	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD							0012345678910	0123456789
24	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			8	7	5,5	8,6	0012345678910	0123456789
25	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
26	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
27	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			9	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
28	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
29	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			9	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
30	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			9	7	9	8,4	0012345678910	0123456789
31	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
32	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD			9	8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118189	Ngô Hà Nhật	Linh	DH20CC		8	7	0	2,9	0012345678910	0123456789
34	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
35	19153039	Lê Văn	Lộc	DH19CD		9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
36	19153041	Đặng Sơn	Minh	DH19CD		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
37	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	DH19CD		9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
38	19153044	Trần Văn	Nam	DH19CD		8	8	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
39	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	DH17CD		8	7	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
40	17118064	Phan Trọng	Nghĩa	DH17CK		9	7	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
41	19153048	Lý Thanh	Nhân	DH19CD		10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
42	19153052	Đỗ Văn Tinh	Nhỏ	DH19CD		9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
43	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD		9	8	1	3,9	0012345678910	0123456789
44	20118218	Võ Thành	Pháp	DH20CC		9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
45	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
46	19153056	Lê Văn	Phong	DH19CD						0012345678910	0123456789
47	19153057	Nguyễn Duy	Phong	DH19CD		9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
48	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	DH19CD		8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phương pháp số(207615)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153062	Trần Nguyên Anh	Phuong	<i>Vang</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	19153063	Lăng Hồng	Quân	<i>Vang</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	19153065	Lê Văn	Quý	<i>Q</i>		9	7	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	18153062	Nguyễn Ngọc	Quynh	<i>Quynh</i>		9	7	2	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	19153066	Nguyễn Trần	Sang	<i>Sang</i>		10	8	5,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	20118059	Ngô Hoàng	Tâm	<i>Ngô</i>		9	7	4,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	19153068	Huỳnh Văn	Tấn	<i>Tấn</i>		9	8	3,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	19153070	Trương Văn	Thái	<i>Thái</i>		9	8	0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	19153072	Hồ Chí	Thanh	<i>Chi</i>		10	7	9	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	<i>Tuấn</i>		9	8	8	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	19153074	Đào Minh	Thành	<i>Đào</i>		9	7	4,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	19153075	Nguyễn Tấn	Thành	<i>Tấn</i>		9	8	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	19153071	Nguyễn Cao	Thắng	<i>Cao</i>		9	7	3	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	20118253	Nguyễn Đình	Thắng	<i>Đình</i>		9	7	0	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	20118254	Nguyễn Minh	Thắng	<i>Minh</i>		9	6	0	2,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	17118105	Nguyễn Bá	Thiên	<i>Bá</i>		9	7	9,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Phương pháp số(207615)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	20118260	Nguyễn Văn Thịnh	DH20CC			9	6	1	3,3	0012345678910	0123456789
66	19153079	Hoàng Thông	DH19CD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
67	19153080	Kiều Thuy	DH19CD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
68	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD			9	9	2	4,8	0012345678910	0123456789
69	20118270	Huỳnh Quốc Toàn	DH20CC			9	6	0	2,7	0012345678910	0123456789
70	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			9	8	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
71	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD			9	8	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
72	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			8	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
73	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD							0012345678910	0123456789
74	20118280	Dương Minh Tú	DH20CC			9	6	1	3,3	0012345678910	0123456789
75	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD			9	8	0	3,3	0012345678910	0123456789
76	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03566

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Phương pháp số(207615)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19CD_01** Tổ Thi **001_DH19CD_01** Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**
Ngày Thi **07/07/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **HD303**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 66 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Hồ Văn Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03568

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138071	Võ Tuấn Anh	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
2	20138003	Đinh Hoàng Thiên Ân	DH20TD			10	7	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
3	20138072	Võ Hoàng Gia Bảo	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
4	20138073	Nguyễn Văn Bình	DH20TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
5	20138074	Đặng Minh Chính	DH20TD			10	7	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
6	20138075	Nguyễn Công Danh	DH20TD			10	7	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
7	20138080	Nguyễn Thị Mỹ Dung	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
8	20138081	Nguyễn Thái Duy	DH20TD			10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
9	20138076	Nguyễn Tấn Đạt	DH20TD			10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
10	20138077	Nguyễn Tiến Đạt	DH20TD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
11	20138078	Phan Châu Thành Đạt	DH20TD			10	8	1	4,0	0012345678910	0123456789
12	20138079	Trịnh Minh Đạt	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	20138083	Thái Gia Hạnh	DH20TD			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
14	20152007	Võ Quang Hào	DH20TD			9	9,5	6	7,4	0012345678910	0123456789
15	20138084	Vũ Quang Hậu	DH20TD			10	5	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
16	20138085	Nguyễn Thanh Hiệp	DH20TD			10	7	3	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03568

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138017	Trần Ngọc Hoài	DH20TD			9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
18	20138089	Trần Gia Huy	DH20TD			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
19	20138090	Võ Tấn Huy	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
20	20138087	Nguyễn Văn Tuấn	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
21	20138088	Phạm Duy Hưng	DH20TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
22	20138900	Nguyễn Kim Quỳnh	DH20TD			10	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
23	20138091	Nguyễn Đức Khải	DH20TD			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
24	20138092	Trần Bá Khang	DH20TD			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
25	20138093	Phan Quốc Khánh	DH20TD			10	6,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
26	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD							0012345678910	0123456789
27	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	DH20TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
28	20138096	Ngô Tuấn Kiệt	DH20TD			10	6,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
29	20138097	Võ Anh Kiệt	DH20TD			10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
30	20138098	Ngô Trần Thiên Kim	DH20TD			10	5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
31	20138100	Nguyễn An Lạc	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
32	20138101	Trần Quốc Lâm	DH20TD			10	8	5,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03568

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **001_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138063	Trần Đức Lương	DH20TD			9	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
34	20138104	Bùi Phương Nam	DH20TD			9	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
35	20138030	Phạm Vĩnh Nghi	DH20TD			10	9,5	9,5	9,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Cao Đức Lợi

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 03569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **002_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20138107	Tạ Thanh	Nhà	DH20TD		10	7	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
2	20138106	Trương Hoàng	Nhà	DH20TD		10	8	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
3	20138108	Trần Nguyễn Trường	Phi	DH20TD		10	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
4	20138035	Lê Văn	Phong	DH20TD		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
5	20138109	Phan Duy	Phúc	DH20TD		10	7	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
6	20138111	Đoàn Thiên	Phước	DH20TD		10	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
7	20138110	Đỗ Thiện	Phước	DH20TD		10	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
8	20138112	Nguyễn Ngô Gia	Phước	DH20TD		10	7	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	20138113	Phạm Đỗ Anh	Phương	DH20TD		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
10	20138114	Đoàn Đình	Quân	DH20TD		10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
11	20138115	Lê Hữu Đông	Quân	DH20TD		10	4	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
12	20138116	Phạm Đức	Quân	DH20TD		10	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
13	20138117	Trần Ngọc	Quế	DH20TD		10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
14	20138118	Vòng Phi	Quyền	DH20TD		10	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
15	20138120	Lê Đặng Tuấn	Sang	DH20TD		9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
16	20138122	Nguyễn Quốc	Tài	DH20TD		10	5	8	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **002_DH20TD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20138124	Võ Lê Tứ Tài	DH20TD			10	8	2	4,6	0012345678910	0123456789
18	20138127	Lê Văn Thanh	DH20TD							0012345678910	0123456789
19	20138128	Trần Hoài Thanh	DH20TD			10	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
20	20138129	Phạm Đức Thao	DH20TD			10	7	6	6,7	0012345678910	0123456789
21	20138126	Lê Quang Thắng	DH20TD			10	7	5	6,1	0012345678910	0123456789
22	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
23	20138131	Huỳnh Minh Thuận	DH20TD			10	9,5	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
24	20138132	Châu Ngọc Tiến	DH20TD			10	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
25	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			10	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
26	20138134	Vũ Minh Toàn	DH20TD			10	6	2	4,0	0012345678910	0123456789
27	20138135	Đinh Gia Triệu	DH20TD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
28	20138136	Nguyễn Thị Kiều Trinh	DH20TD			10	7	9	8,5	0012345678910	0123456789
29	20138137	Huỳnh Lê Bảo Trọng	DH20TD			10	5	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
30	20138049	Trần Ngọc Trọng	DH20TD			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
31	20138138	Hoàng Văn Trung	DH20TD			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
32	20138139	Nguyễn Công Truyền	DH20TD			10	7	10	9,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03569

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật số(207643)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20TD_01**

Tổ Thi **002_DH20TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **04/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20138140	Nguyễn Xuân Tú	DH20TD			10	7	4	5,5	0012345678910	0123456789
34	20138141	Phạm Anh Tuấn	DH20TD			10	7	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
35	20138142	Phạm Thanh Tuấn	DH20TD			10	7	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
36	20138143	Cao Huỳnh Thanh Tùng	DH20TD			10	7	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
37	20138144	Nguyễn Đăng Văn	DH20TD			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
38	20138146	Bùi Quốc Việt	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
39	20138147	Lê Hà Bảo Vinh	DH20TD			10	5	5	5,5	0012345678910	0123456789
40	20138148	Thái Doãn Vinh	DH20TD			10	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	20138149	Trần Quang Vinh	DH20TD			9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
42	20138060	Trần Thanh Vững	DH20TD			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
43	20138152	Nguyễn Thị Tường Vy	DH20TD			10	8	9	8,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 06/06/2022

Hồ Văn Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hanh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 50 %	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			9,5	8,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			9,5	8,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
16	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hanh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
18	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
19	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
20	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
21	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			9,5	8,5		9,0	0012345678910	0123456789
22	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			9,5	8,5		9,0	0012345678910	0123456789
23	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT			8,5	7,5		8,0	0012345678910	0123456789
24	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
25	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
26	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
27	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
28	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
29	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
30	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT			8,5	7,5		8,0	0012345678910	0123456789
31	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
32	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hạnh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
34	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
35	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
36	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
37	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
38	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
39	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
40	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
41	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
42	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
43	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
44	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
45	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
46	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
47	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
48	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hanh (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
50	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
51	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
52	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
53	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
54	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
55	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
56	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
57	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
58	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
59	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			9,5	8,5		9,0	0012345678910	0123456789
60	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			9,5	8,5		9,0	0012345678910	0123456789
61	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
62	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT			*9	8		8,5	0012345678910	0123456789
63	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
64	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
66	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
67	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
68	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
69	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
70	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			9,5	8,5		9,0	0012345678910	0123456789
71	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
72	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
73	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
74	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			10	8		8,5	0012345678910	0123456789
75	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
76	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT			9	8		8,5	0012345678910	0123456789
77	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
78	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
79	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
80	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02905

Trang 6/7

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
82	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
83	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
84	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
85	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
86	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
87	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
88	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
89	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
90	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
91	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			8	7		7,5	0012345678910	0123456789
92	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
93	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			10	8		8,5	0012345678910	0123456789
94	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
95	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789
96	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			10	9		9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02905

Trang 7/7

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Bùi Công Hành (CK011)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	18154135	Võ Văn Vũ	DH180T			10	9		9,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

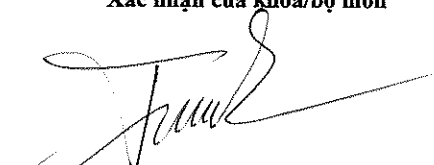
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Bùi Công Hành


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích